

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1. Sự cần thiết công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023	1
2. Mục đích của lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023	1
3. Căn cứ pháp lý	2
4. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm	4
5. Tổ chức thực hiện và sản phẩm giao nộp	7
5.1. Tổ chức thực hiện	7
5.2. Sản phẩm giao nộp	7
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	8
1.1 Khái quát về điều kiện tự nhiên.....	8
1.1.1 Vị trí địa lý	8
1.1.2 Địa hình, địa mạo	9
1.1.3 Khí hậu	9
1.1.4 Thủy văn.....	9
1.1.5 Các nguồn tài nguyên	10
1.1.5.1 Tài nguyên đất	10
1.1.5.2 Tài nguyên nước	11
1.1.5.3 Tài nguyên rừng	12
1.1.5.4. Tài nguyên biển	12
1.1.5.5. Tài nguyên nhân văn	12
1.1.5.6. Tài nguyên du lịch	12
1.2 Khái quát về kinh tế-xã hội	14
1.2.1 Về kinh tế	14
1.2.2 Về Văn hóa-xã hội.....	16
1.2.3. Công tác tôn giáo, dân tộc	18
1.2.4. Quốc phòng - an ninh; công tác thanh tra - tư pháp	18
1.2.5. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính	19
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022	21
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022	21
A. Đất nông nghiệp	28
B. Đất phi nông nghiệp.....	29
C. Đất chưa sử dụng:	34

2.2 Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	34
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022	37
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	38
3.1 Chỉ tiêu sử dụng đất	38
3.2 Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	47
3.2.1 Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất.....	47
3.2.2 Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân	48
3.3 Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu.....	55
3.4 Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	62
3.5 Diện tích đất cần thu hồi	63
3.6 Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	66
3.7 Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	66
3.8 Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất .	69
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	71
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	71
4.2 Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	72
4.3 Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất	73
4.3.1 Giải pháp về tuyên truyền	73
4.3.2 Giải pháp về chính sách	73
4.3.3 Các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện	74
4.4 Các giải pháp khác	77
4.4.1 Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.....	77
4.4.2 Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật	78
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	79
1.Kết luận	79
2.Kiến nghị	79

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Đất đai giữ vị trí và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vừa là tư liệu sản xuất vừa là đối tượng sản xuất của nông nghiệp và cũng là nơi xây dựng các công trình phục vụ phát triển kinh tế xã hội, dân sinh và an ninh quốc phòng.

Để sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giữ vai trò rất quan trọng. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất qua thời gian thực hiện, đã giải quyết được cơ bản các chỉ tiêu đặt ra trong phương án quy hoạch sử dụng đất, đáp ứng cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các cấp, các lĩnh vực, cũng như nhu cầu về đất ở cho nhân dân.

Thực hiện theo Luật Đất đai năm 2013, tại Khoản 2, Điều 37 quy định “Kỳ kế hoạch cấp Quốc gia, cấp tỉnh và kỳ kế hoạch đất Quốc phòng, An ninh là 05 năm. Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm” và khoản 2, Điều 42 quy định: Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện”.

Thực hiện theo Thông tư 01/2021/TT-BTNMT (từ Điều 43 đến Điều 48) quy định kỹ thuật lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá triển khai thực hiện “Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023” theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

2. Mục đích của lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022;
- Xác định nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các ngành trong năm 2023 để đưa ra phương án kế hoạch sử dụng khả thi;
- Phân bổ diện tích các loại đất cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong kế hoạch sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính;
- Làm cơ sở để UBND huyện cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;
- Tạo căn cứ pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2023 cho các đối tượng sử dụng đất trên địa bàn huyện;
- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021-2025 của huyện;
- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của phải đảm bảo quy trình, quy phạm về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Văn bản số 21/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về hợp nhất Luật Đất đai và Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội về việc sửa đổi 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;
- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Văn bản số 04/VBHN-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật đất đai;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Công văn số 1266/UBND-KT ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 1344/STNMT-ĐĐ ngày 04 tháng 08 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm 2023;

- Công văn số 427/UBND-TNMT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá về việc đăng ký nhu cầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trong năm 2023.

** Cơ sở thông tin, tư liệu:*

- Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Rạch Giá;

- Nghị quyết số 85/2022/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc bổ sung danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Nghị quyết số 88/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá;

- Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới (điều chỉnh, bổ sung) thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh phân cấp thành phố Rạch Giá quản lý;

- Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 18 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn (lần II) giai đoạn 2021-2025, bằng nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn thành phố;

- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 18 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Rạch Giá về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 trên địa bàn thành phố Rạch Giá;

- Báo cáo số 143/BC-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 06 tháng đầu năm và chương trình công tác 06 tháng cuối năm 2022 thành phố Rạch Giá;

- Kết quả thống kê đất đai năm 2021 của thành phố Rạch Giá;

- Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch 2023 của thành phố.

4. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm

Nội dung kế hoạch sử dụng đất được lập theo hướng dẫn tại mục 3, Chương III của Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (từ Điều 43 đến Điều 48), bao gồm các nội dung sau:

- Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa;
- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước;
- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Chỉ tiêu sử dụng đất, mã ký hiệu, loại đất được phân bổ, được xác định, được xác định bổ sung trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện như sau:

Bảng 1: Danh mục chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ và cấp huyện xác định

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu được phân bổ	Chỉ tiêu được xác định	Chỉ tiêu được xác định bổ sung
I	Loại đất				
1	Đất nông nghiệp	NNP	x	0	x
1.1	Đất trồng lúa	LUA	x	0	x
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	x	0	x
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0	x	0
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	x	0	x
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	x	0	x
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	x	0	x
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	x	0	x
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	x	0	0

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu được phân bổ	Chỉ tiêu được xác định	Chỉ tiêu được xác định bổ sung
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0	x	0
1.8	Đất làm muối	LMU	0	x	0
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0	x	0
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	x	0	0
2.1	Đất quốc phòng	CQP	x	0	0
2.2	Đất an ninh	CAN	x	0	0
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	x	0	0
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	x	0	0
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	x	0	x
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	x	0	x
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoán sản	SKS	x	0	x
2.8	Đất sản xuất vật liệu XD, làm đồ gốm	SKX	0	x	0
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	x	x	0
	Trong đó:				
-	Đất giao thông	DGT	x	x	0
-	Đất thủy lợi	DTL	x	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	x	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	x	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	x	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	x	x	0
-	Đất công trình năng lượng	DNL	x	x	0
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	x	x	0
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	x	0	0
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	x	0	0
-	Đất bãi thải xử lý chất thải	DRA	x	0	x
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	x	0	0
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	x	0	x
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0	x	0
-	Đất chợ	DCH	0	x	0
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	x	0	x
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0	x	0

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu được phân bổ	Chỉ tiêu được xác định	Chỉ tiêu được xác định bổ sung
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0	x	0
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	x	0	x
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	x	0	0
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	x	0	x
2.16	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	x	0	x
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	x	0	0
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0	x	0
2.19	Đất Sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0	x	0
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0	x	0
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0	x	0
3	Đất chưa sử dụng	CSD	x	0	0
II	Khu chức năng*				
1	Đất khu công nghệ cao	KCN	x	0	0
2	Đất khu kinh tế	KKT	x	0	0
3	Đất đô thị	KDT	x	0	0
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN	x	x	0
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN	x	x	0
6	Khu du lịch	KDL	x	0	0
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	x	0	0
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC	x	0	0
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC	x	0	0
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	x	x	0
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV	0	x	0
12	Khu dân cư nông thôn	DNT	x	x	0
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON	0	x	0

Trong đó: x: Được phân bổ, được xác định, được xác định bổ sung;

0: Không được phân bổ, không được xác định, không được xác định bổ sung;

*: Không tổng hợp khi tính toán diện tích tự nhiên.

5. Tổ chức thực hiện và sản phẩm giao nộp

5.1. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Kiên Giang.
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan chủ quản đầu tư: UBND thành phố Rạch Giá.
- Cơ quan chủ đầu tư: Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Rạch Giá.
- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban và UBND phường xã.
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2022

5.2. Sản phẩm giao nộp

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (20 bộ).
- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Rạch Giá (20 bộ).
- Đĩa CD lưu trữ dữ liệu (01 đĩa).

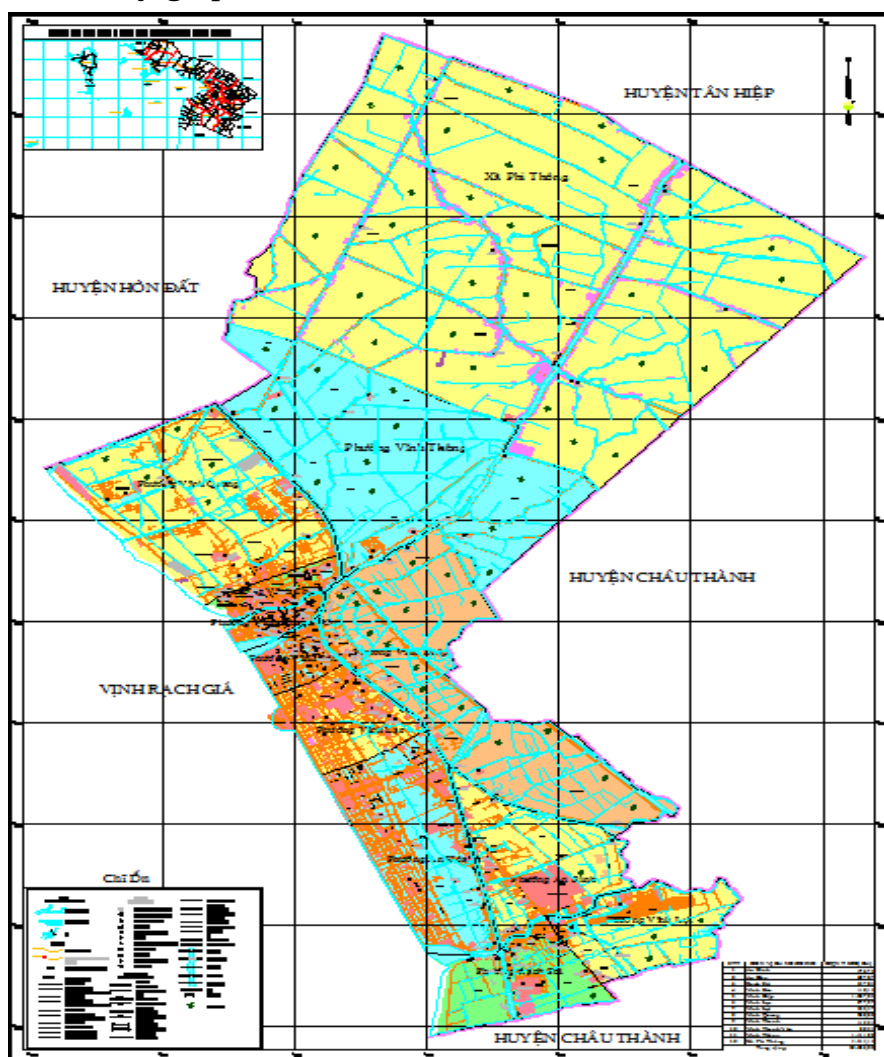
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1 Khái quát về điều kiện tự nhiên

1.1.1 Vị trí địa lý

Thành phố Rạch Giá là Trung tâm chính trị - kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang, có vị trí như sau:

- Phía Tây Bắc giáp huyện Hòn Đất
- Phía Đông Bắc giáp huyện Tân Hiệp
- Phía Nam, Đông Nam giáp huyện Châu Thành
- Phía Tây giáp vịnh Rạch Giá.



Hình 1: Bản đồ địa giới hành chính thành phố Rạch Giá

Thành phố Rạch Giá có tổng diện tích tự nhiên là 10.445,67 ha có 12 đơn vị hành chính trực thuộc (11 phường và 01 xã), có vị trí quan trọng đối với quốc gia về giao thương và an ninh quốc phòng. Có khả năng phát triển kinh tế cửa khẩu với Campuchia và Thái Lan. Nằm trên tuyến giao thông ven biển Xuyên Á qua các đô thị, cảng quan trọng của Asean tới Việt Nam, theo Quốc lộ 80 qua Hà Tiên, Kiên Lương, theo Quốc lộ 63 tới thành phố Cà Mau.

Thành phố Rạch Giá nằm ở bờ biển phía Tây của Tổ Quốc, cách thành phố Hồ Chí Minh 248km, Cần Thơ 150km, Long Xuyên 70km, Châu Đốc 130km, Vị Thanh 50km, Hà Tiên 90km và cửa khẩu Hà Tiên (biên giới VN - Campuchia) là 100km. Thành phố Rạch Giá là nơi tập trung những đầu mối giao thông quan trọng như: Cảng, sân bay, quốc lộ, đường biển, đường sông. Với lợi thế kinh tế, Thành phố đã được xác định là đầu mối của tam giác phát triển Phú Quốc - Rạch Giá - Hà Tiên và có ý nghĩa về an ninh - quốc phòng trong tiến trình phát triển KT - XH của tỉnh Kiên Giang nói riêng và cả nước nói chung.

1.1.2 Địa hình, địa mạo

Địa hình của thành phố Rạch Giá thuộc loại đồng bằng ven biển nằm trong vùng tứ giác Long Xuyên, có cao độ từ 0,2m đến 0,4m; bị chia cắt bởi kênh Rạch Giá - Hà Tiên và Rạch Giá - Long Xuyên, có nhiều kênh rạch nên vào mùa lũ thường bị ngập nhất là những xã, phường nông nghiệp như: xã Phi Thông, phường Vĩnh Thông, phường Vĩnh Hiệp, ảnh hưởng nhiều đến việc sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt nhân dân.

1.1.3 Khí hậu

Thành phố Rạch Giá nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, có nhiệt độ cao và ổn định.

Nhiệt độ trung bình năm: 27,8⁰C.

- Nhiệt độ cao nhất trung bình: 29,4⁰C.

- Nhiệt độ thấp nhất trung bình: 26,1⁰C.

Trong năm được chia ra làm 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô.

* Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 11.

- Lượng mưa trung bình năm: 2366mm.

- Số ngày mưa: 169 ngày/năm.

- Lượng mưa tháng lớn nhất vào tháng 8, tháng 9.

* Mùa khô bắt đầu từ tháng 12 và kết thúc vào tháng 4 năm sau.

- Độ ẩm trung bình: 82%.

- Số giờ nắng trung bình trong năm: 2.348,6 giờ.

* Đặc điểm về gió: Mùa khô thịnh hành là gió Bắc và Đông Bắc, mùa mưa thịnh hành là gió Tây và Tây Nam.

Vận tốc gió trung bình 1.5m/s, về mùa mưa vận tốc gió trung bình từ 4 - 4,5m/s, tốc độ gió mạnh nhất có khi lên đến 16 - 20 m/s, đôi khi còn bị ảnh hưởng trực tiếp bởi những cơn bão lớn (như cơn bão số 5 năm 1997).

1.1.4 Thủy văn

Thành phố Rạch Giá có một hệ thống kênh rạch khá dày đặc. Có các tuyến kênh chính như: kênh Vành Đai (đường thủy Phía Nam), kênh Rạch Giá - Hà Tiên, kênh Rạch Giá - Long Xuyên, kênh Đồn Đông, kênh Ông Hiền, sông

Rạch Sỏi. Ngoài việc cung cấp nước ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp còn là mạng lưới giao thông thủy phục vụ vận tải hàng hoá, hành khách đi các huyện trong tỉnh góp phần cải tạo môi trường sinh thái đô thị. Hệ thống kênh nội đồng dày đặc đã góp phần cấp, thoát nước phát triển sản xuất nông nghiệp, cải tạo và chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp của thành phố.

Do nằm ở cuối nguồn nước ngọt của sông Hậu hệ thống thủy văn phụ thuộc rất lớn vào khả năng chuyển tải của hệ thống kênh trục, các kênh ngang nối các kênh trục với nhau.

Bảng 02: Đặc điểm một số kênh trục thành phố Rạch Giá

TT	Tên kinh	Chiều dài (m)	Rộng (m)
1	Kênh Vành đai (Đường thủy phía Nam)	5.800	60,0
2	Kênh Rạch Giá - Hà Tiên	3.950	60,0
3	Kênh Rạch Giá - Long Xuyên	10.340	55,0
4	Kênh Ông Hiên	7.137	50,0
5	Sông Rạch Sỏi	3.122	52,0

Chế độ thủy văn của các kênh, sông của thành phố Rạch Giá bị chi phối bởi 2 yếu tố: Chế độ thủy văn sông Hậu và thủy triều biển Tây.

Vào mùa mưa từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 9 lưu lượng lớn nhất tại các kênh trục vào khoảng 300 m³/s, lũ về thường gây ngập lụt ở các phường xã vùng ven như: xã Phi Thông, phường Vĩnh Thông và phường Vĩnh Hiệp. Thời điểm nước rút thường từ cuối tháng 11 đến tháng 12.

Vào mùa khô bắt đầu từ tháng 2 khi tác động tiếp ngọt của sông Hậu bị yếu, triều biển Tây mạnh hơn nên nước mặn thường xâm nhập vào nội địa ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và nguồn nước phục vụ sinh hoạt cho toàn thành phố. Việc xây dựng các cống, đập ngăn mặn sẽ có vai trò rất lớn cho phát triển ngành nông nghiệp. Tuy nhiên do lưu lượng nước sông Hậu cao hơn mực nước bình quân tại vùng biển thành phố nên dòng chảy có xu hướng từ sông Hậu đổ ra biển Tây, có thể tận dụng ưu thế này để đưa nước ngọt vào phục vụ đời sống và phát triển kinh tế thành phố Rạch Giá.

1.1.5 Các nguồn tài nguyên

1.1.5.1 Tài nguyên đất

Theo tài liệu điều tra về thổ nhưỡng, đất thành phố Rạch Giá gồm các nhóm chính sau:

a). Đất phèn (S)

Phân bố rải rác trên khu vực xã Phi Thông, phường Vĩnh Thông, phường Vĩnh Hiệp, phường Vĩnh Quang, phường Vĩnh Lạc, phường An Hoà và phường Rạch Sỏi. Nhóm đất phèn thường có hàm lượng hữu cơ cao, mật độ phân giải thấp, ít biến động giữa các tầng đất, được hình thành do sản phẩm bồi tụ phù sa với vật liệu sinh phèn, phát triển mạnh ở môi trường đầm mặn khó thoát nước. Thành phần cơ giới nặng, đại bộ phận là sét, ứ đọng, dính.

b). Đất mặn (M)

Phân bố chủ yếu ở xã Phi thông, phường Vĩnh Thông và phường Vĩnh Quang. Nhóm đất mặn nhìn chung có độ phì tiềm tàng cao đất có phản ứng trung tính, ít chua, hàm lượng đạm trung bình, được hình thành qua quá trình phù sa lấn biển, do ảnh hưởng nước mặn biển theo thủy triều tràn vào hoặc do mạch nước ngầm mặn, tùy điều kiện thoát mặn mà đất bị mặn nhiều, mặn trung bình hay mặn ít. Thành phần cơ giới nặng, thành phần cấp hạt sét (0,002 mm) thông thường cát và limon gần như tương đương.

c). Đất phù sa (P)

Đây là loại đất phổ biến lớn nhất phân bố tập trung ở những phường, xã nông nghiệp như: xã Phi Thông, phường Vĩnh Thông, phường Vĩnh Hiệp, phường Vĩnh Quang, phường An Bình và phường Vĩnh Lợi.

Đất phù sa ở thành phố Rạch Giá chủ yếu là đất phù sa có tầng loang lỗ đỏ vàng, được hình thành qua quá trình bồi tụ từ sản phẩm phong hóa đồi núi do tác động của sông và biển đồng thời với vật chất từ nước ngầm, các ô xít sắt, nhôm hình thành nên phẫu diện đất phù sa có tầng loang lỗ đỏ vàng, đóm rỉ. Đất phù sa đóm rỉ có thành phần cơ giới nặng đến trung bình, có độ phì nhiều cao, ít hạn chế đối với sản xuất nông nghiệp.

d). Đất nhân tác (Nt)

Nhóm đất nhân tác trên địa bàn thành phố có diện tích khá lớn, đặc biệt ở các khu lấn biển. Đất nhân tác được hình thành do sự phát triển đô thị dưới tác động của con người, có đặc điểm từ tầng mặt đến độ sâu lớn hơn 0,5m. Hình thành bởi sự tích lũy chất thải của đô thị và sự đào đắp khi phát triển đô thị.

1.1.5.2 Tài nguyên nước

a). Nguồn nước mặt: Nguồn nước mặt của thành phố Rạch Giá rất dồi dào, được cung cấp gián tiếp từ sông Hậu qua kênh Rạch Giá - Long Xuyên, Rạch Giá - Hà Tiên và mưa. Chất lượng nước mặt từ sông Hậu nhìn chung là tốt, hàm lượng phù sa trung bình khoảng 250g/m³. Do nằm ở cuối nguồn nên khả năng cung cấp nước ngọt trên địa bàn thành phố bị hạn chế dẫn đến đất đai bị nhiễm phèn và nhiễm mặn.

Chất lượng nguồn nước mặt bị chi phối bởi tác động tổng hợp của các yếu tố lũ và thủy triều, được thể hiện qua các chỉ tiêu đánh giá mức độ phèn và mặn. Nước mặt thường bị nhiễm phèn vào đầu mùa mưa và nhiễm mặn vào cuối mùa khô.

b). Nguồn nước ngầm: Theo tài liệu điều tra mực nước ngầm của trường Đại học Cần Thơ và kết quả khoan tìm nước ngầm của chương trình nước nông thôn tỉnh Kiên Giang, thành phố Rạch Giá có nguồn nước ngầm gốc biển, hàm lượng muối sắt cao từ 1-4%, độ pH từ 6-7, nên khả năng khai thác phục vụ sinh hoạt rất hạn chế, khu vực thành phố có thể khai thác sử dụng được ở độ sâu trên 60 mét.

Nước sinh hoạt tại thành phố Rạch Giá có 3 khu vực khác nhau:

- Khu vực sử dụng nước mặt sau khi tự lắng lọc gồm: xã Phi Thông, phường Vĩnh Thông và phường Vĩnh Hiệp.

- Khu vực sử dụng nước sinh hoạt do nhà máy nước cung cấp gồm: các phường nội thị như Vĩnh Quang, Vĩnh Thanh, Vĩnh Thanh Vân, Vĩnh Bảo, Vĩnh Lạc. Nguồn nước được lấy từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên qua hồ chứa ở phường Vĩnh Thông, sau khi xử lý được dẫn đến các hộ dân.

- Khu vực sử dụng nguồn nước ngầm do trạm cấp nước Rạch Sỏi cung cấp gồm phường: An Hoà, An Bình, Rạch Sỏi, Vĩnh Lợi.

1.1.5.3 Tài nguyên rừng

Trên địa bàn toàn thành phố Rạch Giá không còn diện tích đất rừng.

1.1.5.4. Tài nguyên biển

Thành phố Rạch Giá có bờ biển dài 15 km, nước từ các sông, kênh rạch của vùng tứ giác Long Xuyên, Tây sông Hậu đổ ra nên nước biển ven bờ chứa nhiều phù sa bồi lắng do vậy không có bãi tắm.

Vùng biển Rạch Giá được xác định là ngư trường giàu tiềm năng của tỉnh, tạo cho thành phố có thế mạnh về kinh tế biển. Với ngư trường rộng lớn, nguồn thủy sản đa dạng, phong phú, trữ lượng khai thác lớn, một số loại thủy sản có trữ lượng cao như: cá liệt, cá nục, cá trích, cá thu, cá ngừ... một số loại có giá trị kinh tế cao dùng để xuất khẩu như: cá nhám, cá gộc, cá đường. Ngoài cá, tôm, biển Rạch Giá còn có nhiều sò huyết, hải sâm. Các món ăn chế biến từ các loại hải sản vùng biển Rạch Giá là những món ăn ngon, bổ có tiếng.

Ngành khai thác thủy sản được chú trọng đầu tư nhất là các phương tiện đánh bắt xa bờ và dịch vụ hậu cần nghề cá, sản lượng khai thác hàng năm tăng. Tuy nhiên, hiện nay với cường độ khai thác cao, những phương tiện đánh bắt lạc hậu, đánh bắt ven bờ là chủ yếu. Vì vậy, việc chuyển đổi cơ cấu nghề khai thác hải sản là yêu cầu cần thiết nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản lâu dài và bền vững.

1.1.5.5. Tài nguyên nhân văn

Nhân dân thành phố Rạch Giá có truyền thống đấu tranh cách mạng góp phần giành độc lập tự do cho đất nước, lao động sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Tinh thần đó đã được ghi dấu với những di tích lịch sử nổi tiếng qua các thời đại như: đền thờ Nguyễn Trung Trực, mộ nhà thơ yêu nước Huỳnh Mẫn Đạt, bảo tàng Kiên Giang. Các di tích văn hoá: chùa Phật Lớn, chùa Láng Cát, đình Vĩnh Hoà, chùa Quang Đế, chùa Tam Bảo kiến trúc độc đáo mang đậm bản sắc dân tộc.

Thành phố Rạch Giá là nơi cộng đồng người Hoa, người Khơ-me cùng người Kinh sinh sống tạo nên nét rất đặc trưng Nam Bộ. Hàng năm diễn ra nhiều lễ hội truyền thống, đặc biệt là các ngày lễ, kỷ niệm, ngày giỗ các danh nhân, anh hùng dân tộc.

1.1.5.6. Tài nguyên du lịch

Thành phố Rạch Giá là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh Kiên Giang. Thành phố Rạch Giá cũng là nơi đầu tiên của Việt Nam tiến hành việc lấn biển để xây dựng đô thị mới. Nơi đây ngoài các di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng, còn có khu thể thao đạt chuẩn quốc gia và rất nhiều khu vực vui chơi giải trí hấp dẫn. Ngày nay, thành phố biển này khá nhộn nhịp với nhiều hoạt động

kinh tế, văn hóa và du lịch, đây thực sự là điểm dừng chân, nghỉ ngơi lý tưởng của du khách trước khi đến với Hà Tiên, Phú Quốc, Nam Du và các địa danh khác của Kiên Giang. Thành phố Rạch Giá có các cơ sở thờ tự đã được nhà nước cấp bằng công nhận “Di tích Lịch sử Văn hóa - Kiến trúc” như: Chùa Tam Bảo, Phật Lớn, Láng Cát, Quan Đế, đền thờ Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực, đình Vĩnh Hòa... Đặc biệt, Lễ hội truyền thống kỷ niệm Ngày hy sinh của Anh hùng Dân tộc Nguyễn Trung Trực diễn ra vào các ngày 26, 27 và 28 tháng Tám Âm lịch hàng năm thu hút trên 1 triệu lượt du khách hành hương khắp các nơi đến dâng hương, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng lễ hội; là dịp giới thiệu, quảng bá tiềm năng du lịch của tỉnh nhà và xúc tiến, đầu tư, phát triển kinh tế.

Thành phố Rạch Giá là thành phố nằm ven biển duy nhất ở miền Tây đây là nơi có nhiều cảnh quan đẹp và tiềm năng du lịch sông nước biển đảo lớn. Nơi đây có sức cuốn hút mạnh mẽ đối với du khách phương xa khi đến thăm thành phố. Người Việt, Hoa và Khmer - những con người ấy đã dựng xây, thành tạo nên một nền văn hóa đặc sắc đậm đà bản sắc dân tộc, mà người đời thường gọi là văn minh xứ Rạch Giá với vô số đền đài, chùa chiền và hàng trăm công trình thờ tự nổi tiếng khắp vùng Nam Bộ.

Hoạt động du lịch tiếp tục phát triển, từng bước gắn kết với các vùng du lịch trọng điểm của tỉnh, các loại hình dịch vụ phục vụ du lịch kết hợp với các sự kiện, lễ hội ở địa phương phát triển mạnh về số lượng, quy mô và chất lượng phục vụ. Lượng khách du lịch tăng nhanh, đạt bình quân 1,8 triệu lượt khách/năm, tăng bình quân 22,09%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 54.420 tỷ đồng, tăng bình quân 21,32%/năm, đạt 100,15% so với Nghị quyết. Phấn đấu đến năm 2025 tổng lượng khách trên địa bàn đạt 2,5 triệu lượt khách/năm trong đó khách quốc tế trên 30.000 người.

Đặc biệt, trong thời gian tới, TP. Rạch Giá sẽ tiếp tục được xây dựng trở thành một trong 04 vùng du lịch trọng điểm của tỉnh, đồng thời cũng là một trong 4 đô thị của vùng kinh tế trọng điểm thuộc vùng ĐBSCL...

Để mục tiêu trên thành hiện thực, TP. Rạch Giá sẽ tiếp tục kêu gọi đầu tư, phát triển các khu vui chơi giải trí, bãi tắm nhân tạo... tại các khu đô thị ven biển; xây dựng các khu du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại các xã, phường vùng ven của thành phố và kết nối với huyện Châu Thành, Hòn Đất...

+ Thành phố Rạch Giá được định hướng trở thành trung tâm kinh tế, thành phố xanh. Kiên Hải và vùng phụ cận như Hòn Đất trở thành các điểm du lịch vệ tinh nâng cao hoạt động trải nghiệm tham quan của du khách.

+ Các loại hình du lịch chủ yếu: du lịch văn hóa lịch sử, tâm linh, làng nghề; du lịch tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo; du lịch trung chuyển, du lịch biển đảo.

+ Định hướng khai thác tài nguyên du lịch: khai thác đặc tính đô thị xanh của Rạch Giá, ưu tiên phát triển du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, chú trọng phát triển các loại hình du lịch vui chơi giải trí và du lịch văn hóa.

+ Định hướng đầu tư cơ sở hạ tầng: tập trung xây dựng tuyến giao thông đường thủy, đường biển như tàu thuyền du lịch, hệ thống bến cảng để khai thác dịch vụ du lịch gắn với tài nguyên biển. Tập trung kết nối các điểm tham quan trên địa bàn, đảm bảo hệ thống cấp thoát nước và xử lý chất thải tại các điểm du lịch. Nâng cao hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng thành phố Rạch Giá thông minh.

1.2 Khái quát về kinh tế-xã hội

1.2.1 Về kinh tế

a. Thương mại, dịch vụ

Tập trung quản lý sắp xếp trật tự mua bán kinh doanh tại các chợ, trung tâm thương mại đảm bảo công tác phòng, chống dịch Covid-19; triển khai các biện pháp đảm bảo cân đối cung cầu hàng hoá, bình ổn thị trường trong dịp tết Nguyên đán, gắn với thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; tiếp tục tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh phát triển, đăng ký thành lập mới trên địa bàn. Tổng mức bán lẻ hàng hoá 15.730 tỷ đồng (*giá hiện hành*), đạt 52,43% kế hoạch, giảm 4,2% so cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và dịch vụ khác 10.190 tỷ đồng (*giá hiện hành*), đạt 58,23% kế hoạch, tăng 10,93% so cùng kỳ.

Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trước, trong và sau tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

b. Công nghiệp, xây dựng

Sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển, giá trị sản xuất ngành công nghiệp 3.676,9 tỷ đồng, đạt 54,07% kế hoạch, tăng 7,82% so cùng kỳ. Giá trị ngành xây dựng 3.133 tỷ đồng, đạt 40,17% so kế hoạch, tăng 2,89% so cùng kỳ.

Quan tâm thực hiện các giải pháp huy động vốn đầu tư phát triển trên địa bàn thành phố, ước 6 tháng đầu năm đạt 6.345 tỷ đồng, đạt 51,2% kế hoạch, tăng 1,05% so cùng kỳ.

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 thành phố quản lý là 224,956 tỷ đồng, trong đó: vốn kế hoạch đầu tư công là 190,606 tỷ đồng, vốn giao dự toán là 34,35 tỷ đồng. Đến hết tháng 6 năm 2022, thi công có giá trị khối lượng hoàn thành là 74,389/224,956 tỷ đồng, đạt 33,07% kế hoạch; giải ngân thực hiện 67,847/224,956 tỷ đồng, đạt 30,16% kế hoạch; quyết toán 22 công trình với giá trị là 51,361 tỷ đồng.

c. Nông nghiệp, thủy sản

Diện tích thu hoạch vụ lúa Đông Xuân là 5.488,4 ha, năng suất 6,7 tấn/ha, sản lượng 36.772 tấn. Diện tích gieo sạ vụ lúa Hè Thu là 5.483,4 ha, trong đó: giai đoạn đẻ nhánh 2.784 ha, giai đoạn đồng trổ 1.899,4 ha, giai đoạn trổ chín 800 ha. Sản lượng khai thác thủy sản 92.470 tấn, đạt 52,1% kế hoạch, giảm 13,09% so cùng kỳ; sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 300 tấn, đạt 50% kế hoạch, giảm 12,54% so cùng kỳ. Giá trị ngành thủy sản 1.786,55 tỷ đồng, đạt

52,24% kế hoạch, giảm 10,58% so cùng kỳ. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp - thủy sản là 2.204,55 tỷ đồng, đạt 56,1% kế hoạch, giảm 6,43% so cùng kỳ. Tổng số tàu thuyền trên địa bàn thành phố 1.858 chiếc, tổng công suất 1.230.643 cv, với 18.940 lao động.

Tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 11/01/2021 của UBND thành phố thực hiện Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh về việc tăng cường các giải pháp quản lý ngăn chặn, chấm dứt tàu cá và ngư dân thành phố Rạch Giá vi phạm vùng biển nước ngoài để khai thác hải sản trái pháp luật. Tiếp tục triển khai các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, tỉnh về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định và các văn bản chỉ đạo thực hiện về khai thác, đánh bắt thủy hải sản trái phép trên địa bàn thành phố.

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra tình hình vận chuyển, mua bán, giết mổ và quản lý dịch bệnh gia súc, gia cầm, nhất là bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, thực hiện tốt công tác tiêu độc khử trùng. Tăng cường công tác quản lý nuôi chim yến trên địa bàn thành phố theo Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 26/11/2018 của UBND thành phố và đề xuất Tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm, động vật khác và vùng nuôi chim yến; tiếp tục chỉ đạo xã Phi Thông rà soát và xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

d. Tài chính, tín dụng

Tổng thu ngân sách 408,08 tỷ đồng (*trong đó thu tiền sử dụng đất 86,2 tỷ đồng*), đạt 52,7% kế hoạch, tăng 16,92% so cùng kỳ. Chi ngân sách thành phố 429,93 tỷ đồng, đạt 61,98% kế hoạch, tăng 42,49% so cùng kỳ. Thu ngân sách phường, xã 222,54 tỷ đồng, đạt 50,14% kế hoạch, tăng 2,08% so cùng kỳ; chi ngân sách phường, xã 44,36 tỷ đồng, đạt 55,25% kế hoạch, tăng 48,2% so cùng kỳ.

Hoạt động ngân hàng chính sách xã hội (*đến ngày 22/6/2022*): Tổng nguồn vốn hoạt động 217,34 tỷ đồng; dư nợ cho vay 209,72 tỷ đồng; tỷ lệ nợ quá hạn 1,59% (*giảm 0,39% so đầu năm, cao hơn Nghị quyết 0,76%, thấp hơn 0,52% so cùng kỳ*).

e. Công tác quản lý đô thị

Tăng cường quản lý trật tự xây dựng và cấp phép các công trình theo quy định; tập trung thực hiện lập lại trật tự đô thị, vệ sinh môi trường nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 trên địa bàn thành phố Rạch Giá. Tổng kết thực hiện Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 30/9/2014 của UBND thành phố Rạch Giá về thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/8/2014 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Rạch Giá về tăng cường lãnh đạo công tác quản lý đô thị.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Quy chế Quản lý Kiến trúc Quy hoạch đô thị; Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của UBND tỉnh; sơ đồ phân bố các khu vực phát triển đô thị thành phố Rạch Giá; các phường tiếp tục thực hiện xây dựng phường đạt chuẩn văn minh đô thị. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về

trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố, nhất là quản lý việc xây dựng nhà ở, công trình trên đất không đúng mục đích sử dụng.

Tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch trang trí đường phố phục vụ Tết Nguyên đán Nhâm Dần. Tăng cường thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, sửa chữa, sơn dây phân cách một số tuyến đường, phát hoang cỏ dại, trồng dặm, trang trí cây xanh công viên, trang trí chiếu sáng công cộng, dặm vá một số tuyến đường trên địa bàn thành phố,... với tổng kinh phí thực hiện từ ngân sách thành phố khoảng 01 tỷ đồng; đồng thời được sự hỗ trợ của các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân ủng hộ, tài trợ và thực hiện đầu tư mới, chỉnh trang, sửa chữa đèn trang trí với số tiền khoảng 11 tỷ đồng, nhằm góp phần cùng Thành phố thực hiện chỉnh trang đô thị, trang trí đường phố tạo sinh khí vào dịp Tết.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hoàn thành công tác lập quy hoạch sử dụng đất thành phố Rạch Giá thời kỳ 2021-2030; thực hiện tổng vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố phục vụ Tết Nguyên đán; tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; thực hiện cấp giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho người dân theo yêu cầu.

1.2.2 Về Văn hóa-xã hội

a. Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các quy định về phòng, chống dịch Covid-19, nhất là phương án xử lý tình huống khi xảy ra ca mắc trong thời gian tổ chức dạy học trực tiếp tại các cơ sở giáo dục. Tổng kết công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ năm 2021, triển khai phương hướng nhiệm vụ năm 2022. Triển khai kế hoạch huy động trẻ vào học nhà trẻ, mẫu giáo, lớp 1 và tuyển sinh vào lớp 6 trung học cơ sở năm học 2022-2023 trên địa bàn thành phố. Chỉ đạo thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm học 2021-2022, đạt 100% kế hoạch.

b. Y tế, dân số - KHHGD

Tổ chức khám và điều trị bệnh cho 114.286 lượt người. Tập trung chỉ đạo kiểm tra, theo dõi, giám sát phòng chống các loại dịch bệnh, nhất là thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn theo chủ trương “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” và Chương trình phòng, chống dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 14/4/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang; tập trung thực hiện tiêm vắc xin phòng Covid-19 mũi nhắc lại lần 1, 2 cho người từ 18 tuổi trở lên; mũi 1, 2 cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi. Kiểm tra lĩnh vực hành nghề y dược, mỹ phẩm và các dịch vụ y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn thành phố.

c. Văn hóa - thông tin - thể thao và tuyên truyền

Chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 07/01/2022 của UBND thành phố Rạch Giá về tổ chức đón tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022; Chỉ đạo treo trên 1.000 cờ, băng gol trên các tuyến cầu, trục

đường chính phục vụ tết Nguyên đán, tuyên truyền kỷ niệm 92 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại hội Thể dục thể thao thành phố. Chỉ đạo, thực hiện hoàn thành kế hoạch tổ chức Đại hội Thể dục thể thao thành phố, phường, xã. Tăng cường tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương, nhất là công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Tăng cường kiểm tra công tác quảng cáo trên địa bàn thành phố. Ký kết các thỏa thuận hợp tác với các đơn vị như: Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang về thực hiện công tác tuyên truyền trên địa bàn thành phố; Viễn Thông Kiên Giang trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin giai đoạn 2022-2025. Tổng lượt khách đến các cơ sở lưu trú là 141.923 lượt khách; tổng doanh thu 58,74 tỷ đồng.

d. Lao động - Thương binh và Xã hội; Bảo hiểm xã hội

Kịp thời chi trợ cấp cho 1.413 đối tượng chính sách, tổng số tiền 15,4 tỷ đồng và 5.449 đối tượng bảo trợ xã hội, số tiền 19,56 tỷ đồng. Giải quyết việc làm cho 4.441 lao động, đạt 88,82% kế hoạch (*trong đó, trong tỉnh 2.415 lao động, ngoài tỉnh 2.026 lao động*). Tiếp tục chỉ đạo chi hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 139/KH-UBND của UBND tỉnh theo danh sách được duyệt; thẩm định đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố.

Nhân dịp tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022, thành lập 13 Đoàn đi thăm và tặng quà các cơ quan, đơn vị; cơ sở tôn giáo, thờ tự; đối tượng chính sách, người có công; các đồng chí nguyên lãnh đạo tỉnh, thành phố qua các thời kỳ; chuyển quà tết của Trung ương, Tỉnh đến các đối tượng theo quy định, tổ chức vận động trao quà cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ đặc biệt khó khăn, trẻ em mồ côi, khuyết tật, nhiễm HIV, nạn nhân chất độc hóa học, lực lượng Dân quân tự vệ và Ban bảo vệ dân phố trên địa bàn thành phố,... với tổng số tiền trên 6,4 tỷ đồng. Ngoài ra, tổ chức vận động kinh phí hỗ trợ quà cho các hộ nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán cho 02 huyện (*Giang Thành, Vĩnh Thuận*) với số tiền 100 triệu đồng; phối hợp Ban Bảo vệ di tích Đình Nguyễn Trung Trực tổ chức phát 10,4 tấn gạo cho 1.040 hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn thành phố. Hoàn thành xây dựng mới 03/05 căn nhà tình nghĩa, sửa chữa 11/16 căn nhà tình nghĩa. Tập trung 07 đối tượng ăn xin, tâm thần, lang thang đưa vào Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh.

Kết quả thu BHXH-BHYT-BH thất nghiệp số tiền 337,8 tỷ đồng; tỷ lệ độ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 82,07% so dân số (trong đó chưa bao gồm người dân thành phố Rạch Giá đang lao động, học tập, làm việc ngoài tỉnh và các huyện, thành phố trong tỉnh có tham gia bảo hiểm y tế là 16.499 người); thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện đến nay có 1.674 người tham gia, đạt 35,72% chỉ tiêu giao.

1.2.3. Công tác tôn giáo, dân tộc

Tình hình dân tộc, tôn giáo cơ bản ổn định; các chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo yên tâm hành đạo, sinh hoạt tín ngưỡng, chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Quan tâm chỉ đạo tuyên truyền, vận động thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, đồng bào dân tộc thiểu số.

Tổ chức đoàn đi thăm, tặng quà các cơ sở tôn giáo, thờ tự, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp tết cổ truyền Chôl-Chnăm-Thmây, tết Nguyên đán Nhâm Dần, Đại lễ Phật đản Phật lịch 2566 - Dương lịch 2022.

1.2.4. Quốc phòng - an ninh; công tác thanh tra - tư pháp

a. Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, công tác quân sự địa phương

Theo dõi, chỉ đạo nhiệm vụ quốc phòng, công tác quân sự đảm bảo yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Chỉ đạo duy trì nghiêm công tác trực sẵn sàng chiến đấu hai cấp; phối hợp các lực lượng tuần tra, canh gác được 11.160 cuộc với 87.109 lượt người. Tổ chức công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2022, đạt 100% chỉ tiêu trên giao (*176/176 quân số, trong đó Hải quân 80, Biên phòng 20, Bộ Chỉ huy Quân sự 55, Công an 21*). Tổ chức thực hiện kế hoạch phúc tra công dân nam đủ 17 tuổi trong năm và công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ năm 2023, trong đó chọn xã Phi Thông làm điểm chỉ đạo của thành phố. Tổ chức và tham gia các lớp tập huấn do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức đảm bảo theo quy định. Hoàn thành diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ tại phường Vĩnh Lạc, kết quả đạt loại Khá; chỉ đạo, kiểm tra phường An Bình để tổ chức tốt diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ. Tổ chức Lễ xuất quân và thực hiện các hoạt động “Tết Quân - Dân” năm 2023.

b. An ninh trật tự

Tiếp tục chỉ đạo công tác nắm tình hình, quản lý chặt địa bàn, đối tượng; chỉ đạo các lực lượng tăng cường công tác tuần lưu bảo đảm an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, nhất là thời gian diễn ra Lễ, Tết, các sự kiện trên địa bàn và thực hiện tốt các kế hoạch cao điểm, chuyên đề, mô hình mới trên địa bàn. Tội phạm hình sự phát hiện 158 vụ (*giảm 05*); đã khám phá 144/158 vụ, bắt 227 đối tượng (*đạt 91,14%*). Tai nạn giao thông xảy ra 10 vụ (*giảm 06 vụ*), làm chết 02 người (*giảm 03*), bị thương 08 người (*giảm 05*), thiệt hại tài sản khoảng 37 triệu đồng. Bổ sung mới 96 đối tượng theo Đề án số 01, kết quả loại 103 đối tượng, hiện đang quản lý 126 đối tượng. Tổ chức vận động, tuyên truyền việc không mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép các loại pháo, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ... gắn với tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Tiếp tục thực hiện Đề án dữ liệu dân cư quốc gia và cấp thẻ căn cước công dân được 138.400/196.650, đạt 70,37%.

c. Thanh tra - Tư pháp

Triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch công tác thanh tra năm 2022 và kết thúc các cuộc thanh tra của năm 2021 chuyển sang. Chỉ đạo đơn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý sau thanh tra, trong đó thu

hồi nộp ngân sách Nhà nước được 789.962.530 đồng. Chủ tịch UBND thành phố tiếp công dân định kỳ 10 cuộc, có 28 người tham dự; Ban Tiếp công dân thành phố tiếp dân thường xuyên 75 cuộc, với 75 người tham dự. Trong 06 tháng đầu năm tiếp nhận 40 đơn khiếu nại, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền giải quyết, không có đơn tố cáo. Đã thụ lý giải quyết dứt điểm 01/01 đơn (xác định khiếu nại sai), 01 trường hợp rút đơn, 38 đơn còn lại đã giao các cơ quan chức năng kiểm tra, rà soát, trả lời công dân theo quy định.

Xây dựng kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022, triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng; chỉ đạo thực hiện tốt công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2021 đảm bảo theo quy định của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ và công tác đánh giá phòng chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2021.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiểm tra, rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được quan tâm thực hiện kịp thời. Đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được 139 cuộc, có 4.888 lượt người nghe và dự, nội dung tập trung một số Luật và Nghị định mới đã có hiệu lực thi hành.

1.2.5. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác cán bộ; cử chọn và lập danh sách tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Tổ chức đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức năm 2021 theo quy định. Phân bổ biên chế hành chính năm 2022. Rà soát, bổ sung 188 cán bộ, công chức, viên chức tham gia khắc phục sai phạm trong công tác tuyển dụng. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức phường, xã năm 2022.

Ký kết thỏa thuận hợp tác với Bưu điện tỉnh Kiên Giang về thực hiện thí điểm chuyển giao cho Bưu điện đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thành phố.

Hồ sơ “Một cửa” trong 6 tháng đầu năm tiếp nhận 23.798 hồ sơ (*trong đó: kỳ trước chuyển sang 415 hồ sơ, nhận mới 23.362 hồ sơ, trực tuyến 21 hồ sơ*); đã giải quyết 23.456 hồ sơ (*trong đó: đúng hạn 21.643 hồ sơ, đạt 92,27%, quá hạn 1.813 hồ sơ, chiếm 7,73%*); còn 342 hồ sơ trong thời hạn đang giải quyết.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2022 trong điều kiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19. Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh, Thành ủy, nhất là sự hỗ trợ tích cực của các sở ngành cấp tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, từ đó tình hình kinh tế của thành phố tiếp tục có chuyển biến tích cực, một số chỉ tiêu lĩnh vực kinh tế-xã hội tiếp tục phát triển, tăng so cùng kỳ: doanh thu dịch vụ, giá trị sản xuất công nghiệp, giá trị sản xuất ngành xây dựng, huy động vốn đầu tư phát triển, thu ngân sách, giải quyết việc làm, huy động trẻ đến trường, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia... Công tác chỉnh trang đô thị được kang trang hơn, bộ mặt đô

thị có nhiều khởi sắc. Tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án trên địa bàn, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình.

Mặc dù bị ảnh hưởng dịch Covid-19, tình hình kinh tế-xã hội khó khăn, nhưng việc thực hiện xã hội hóa trong công tác chăm lo, hỗ trợ cho gia đình chính sách, người có công, người nghèo vẫn được quan tâm, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán. Thực hiện tốt công tác giáo dục và đào tạo; phòng, chống các loại dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, nhất là phòng, chống dịch Covid-19; các chính sách dân tộc, tôn giáo được quan tâm kịp thời.

Quốc phòng - an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; tai nạn giao thông giảm cả 3 mặt. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, nhất là một số vụ việc khiếu kiện kéo dài trên địa bàn; công tác phòng chống tham nhũng được quan tâm chỉ đạo thực hiện.

Tuy nhiên, một số lĩnh vực, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội thực hiện đạt thấp so với kế hoạch, giảm so với cùng kỳ như: sản lượng khai thác, nuôi thủy sản; sản lượng lương thực; giá trị sản xuất ngành thủy sản; tổng mức bán lẻ hàng hóa; giải ngân vốn xây dựng cơ bản, tỷ lệ độ bao phủ BHYT, BHXH tự nguyện,... Tỷ lệ nợ quá hạn vay từ ngân hàng chính sách xã hội cao hơn so với Nghị quyết (0,76%). Công tác chi trả, quyết toán kinh phí hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ của một vài đơn vị còn chậm (phường Vĩnh Lạc, Vĩnh Thanh). Công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch và vận hành đô thị từng lúc, từng nơi thiếu chặt chẽ, có mặt còn hạn chế; tình trạng xây dựng không phép, sai phép, xây dựng công trình trên đất không đúng mục đích sử dụng, tái lấn chiếm lòng, lề đường, vỉa hè, vứt rác không đúng nơi quy định gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước trên các tuyến kênh, sông và ven bờ biển vẫn còn diễn ra. Việc triển khai thi công các công trình theo kế hoạch đầu tư công tiến độ còn chậm.

Tiến độ thực hiện tiêm vắc xin phòng Covid-19 mũi nhắc lại chậm và tỷ lệ đạt thấp so với yêu cầu; thực hiện quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm, hành nghề y được tư nhân, quảng cáo của một số cơ sở kinh doanh chưa đảm bảo, qua kiểm tra vẫn còn một số cơ sở vi phạm; tình hình dịch bệnh sốt xuất huyết số ca mắc tăng cao so cùng kỳ (*phường Vĩnh Quang, xã Phi Thông*). Công tác cải cách hành chính còn hạn chế (*năm 2021 xếp vị trí 14/15 huyện, thành phố*). Tình hình an ninh-trật tự từng lúc, từng nơi còn diễn biến phức tạp, nổi lên là trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích, tình trạng tụ tập đánh bài, đá gà,... nhỏ lẻ còn xảy ra một số nơi, nhất là dịp Tết Nguyên đán.

Nguồn: Báo cáo số 143/BC-UBND ngày 29/6/2022 của UBND thành phố Rạch Giá.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Rạch Giá đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 với tổng số công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Rạch Giá 84 công trình với diện tích là 390,36 ha (*không tính diện tích đất cấp giấy giao đất*). Ước tính thực hiện đến cuối năm 2022, cụ thể như sau:

** Các công trình, dự án đã thực hiện xong 06 công trình và 04 công trình đã có phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định thu hồi đất*

➤ Công trình đã thực hiện xong: 06 công trình

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Năm đăng ký (KHSDD)
					Diện tích ha	Sử dụng vào loại đất		
1	Trạm Biến áp 110KV và đường dây đầu nối Kiên Giang	DNL	0,37	-	0,37	CLN	Vĩnh Quang	Bổ sung năm 2019
2	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Sóc Cung	DVH	0,20	-	0,20	LUC	Phi Thông	Năm 2021
3	Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ ô tô tại thành phố Rạch Giá (công ty TNHH Toyota Kiên Giang)	TMD	0,67		0,67	LUC: 0,27 ha; CLN: 0,07 ha ODT: 0,33 ha	Vĩnh Hiệp	Năm 2021
4	Cửa hàng xăng dầu tại đường Nguyễn Thái Bình	TMD	0,08	-	0,08	CLN	Vĩnh Quang	Bổ sung năm 2020
5	Hội Liên hiệp phụ nữ	ODT	0,01	0,01	-	TSC	Vĩnh Thanh Vân	Năm 2017
6	Trang trại tổng hợp nuôi gà Nguyễn Minh Công	NKH	2,27		2,27	LUC	Phi Thông	Năm 2022

➤ Công trình đã có phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định thu hồi đất: 04 công trình

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích quy hoạch (ha)	DT đã thực hiện (ha)	DT chưa thực hiện (ha)	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	DGT	16,45	15,45	1,00	CLN: 1,0 ha	Rạch Sỏi	Quyết định 294/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND TPRG V/v Phê duyệt phương án. Thực hiện xong 15,45ha/16,45ha
2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Lê Hồng Phong- Phan Thị Ràng)	DGT	1,75	1,0	0,75	CLN: 0,75	An Hòa	Quyết định 614/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND TPRG V/v Phê duyệt phương án

								Thực hiện xong 1,0ha/1,75ha
3	Đường Trần Văn Giàu (đoạn khu dân cư Nam An Hòa-Phan Thị Ràng)	DGT	1,63	0,70	0,93	CLN:0,05ha; ODT: 0,1 ha HNK: 0,15 ha DGD: 0,63 ha	An Hòa	Quyết định 711/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND TPRG V/v Phê duyệt phương án Thực hiện xong 0,7ha/1,63ha
4	Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	DVH	3,50	2,90	0,60	ODT:0,2ha CLN: 0,0,4 ha	Vĩnh Thanh	Báo cáo số 278/BC-UBND ngày 09/11/2022 của UBND thành phố Rạch Giá về tình hình triển khai thực hiện dự án Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang Thực hiện xong 2,90ha/3,50ha

* Các công trình dự án hủy thực hiện: 09 công trình

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Năm đăng ký (KHSDĐ)	Nguyên nhân hủy thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
1	Công an phường Vĩnh Thanh Vân	CAN	0,05	-	0,05	TSC	Vĩnh Thanh Vân	2019	Không giao đất cho Công an Phường
2	Khu đất của Đài truyền hình Kiên Giang	ODT	0,01	0,01	-	ODT	Vĩnh Lạc	2018	Dự kiến Xây dựng trụ sở khu phố
3	Khu đất dịch vụ C1 (Công viên Lạc Hồng)	TMD	0,49	0,49	-	TMD	Vĩnh Lạc	Bổ sung năm 2019	Chủ trương Mở rộng lần biển Cùm Công Viên Lạc Hồng
4	Bệnh viện đa khoa tỉnh KG (cũ)	TMD	4,30		4,30	DYT	Vĩnh Thanh Vân	2019	Không đấu giá (giữ nguyên hiện trạng)
5	Trung tâm phát triển Quỹ đất	ODT	0,01	0,01	-	TSC	Vĩnh Bảo	2020	Chưa bố trí chỗ mới vẫn đang sử dụng
6	Hội Cựu Chiến binh	ODT	0,01	0,01	-	TSC	Vĩnh Thanh Vân	2020	Chưa bố trí chỗ mới vẫn đang sử dụng

STT	Hạng mục	Mã đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Năm đăng ký (KHSDD)	Nguyên nhân hủy thực hiện
					Diện tích ha)	Sử dụng vào loại đất			
7	Phòng kinh tế	ODT	0,01	0,01	-	TSC	Vĩnh Thanh Vân	2020	Chưa bố trí chỗ mới vẫn đang sử dụng
8	Hội Chữ thập đỏ	ODT	0,02	0,02	-	TSC	Vĩnh Thanh Vân	2020	Chưa bố trí chỗ mới vẫn đang sử dụng
9	Hội đồng nhân dân	ODT	0,01	0,01	-	TSC	Vĩnh Thanh Vân	2020	Chưa bố trí chỗ mới vẫn đang sử dụng

* Các công trình dự án chuyển tiếp: 65 công trình

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Chợ An Hoà – Khu 3 Phú Cường		1,51	0,71	0,80		An Hòa
		DCH	0,76	0,26	0,50	MNC	An Hòa
		DGT	0,51	0,35	0,16	CLN	An Hòa
		ODT	0,24	0,10	0,14	CLN	An Hòa
2	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thương mại Rạch Sỏi	DGT	0,13	0,07	0,06	ODT	Rạch Sỏi
3	Dự án ĐTXD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất (đoạn Rạch Giá)	DGT	0,36		0,36	LUC: 0,32 CLN: 0,04	Vĩnh Quang
4	Mở rộng đường Đông Hồ (đoạn Lê Thị Hồng Gấm – Phạm Ngọc Thạch)	DGT	0,31	0,07	0,24	ODT	Vĩnh Thanh
5	Mở rộng đường Võ Trường Toản (đoạn Lý Thường Kiệt – Nguyễn Bình Khiêm)	DGT	0,76	0,15	0,61	ODT	Vĩnh Thanh
6	Mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm	DGT	0,89	-	0,89	ODT	Vĩnh Quang
7	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (đường)	DGT	5,21		5,21	LUC: 2,51 ha CLN: 2,51 ha DTL: 0,19 ha	Vĩnh Quang
8	Đường dây 220KV Rạch Giá 2- Kiên Bình mạch 2	DNL	0,54		0,54	LUC	Vĩnh Quang, Vĩnh Thông, Vĩnh Hiệp
9	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Ngọn	DVH	0,30	-	0,30	LUC	Phi Thông
10	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Vàm	DVH	0,17	-	0,17	LUC	Phi Thông
11	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (khu dân cư)	ODT	6,03		6,03	LUC: 3,91 ha CLN: 1,83 ha DTL: 0,38	Vĩnh Quang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
12	Khu tái định cư chợ Nam An Hòa (thuộc Khu đô thị Phú Cường)	ODT	1,49	0,6	0,89	CLN	An Hòa
13	Khu dân cư Nam An Hoà (Giai đoạn 2)	ODT	7,84		7,84	LUC: 4,7; CLN: 3,14	An Hòa
14	Mở rộng đình Nguyễn Trung Trực	TIN	0,65	0,50	0,15	ODT	Vĩnh Thanh
15	Trụ sở làm việc chung các Hội	TSC	0,40	-	0,40	ODT	An Hòa
16	Trụ sở cục Hải quan tỉnh Kiên Giang và chi cục Hải Quan thành phố Rạch Giá	TSC	1,20		1,2	LUC	Vĩnh Hiệp
17	Tòa án tỉnh Kiên Giang	TSC	1,00		1,00	CLN, ODT	Vĩnh Quang
18	Mở rộng Nghĩa Trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang	NTD	5,31		5,31	LUC	Vĩnh Quang
19	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân)	DKV	0,19		0,19	SON: 0,09ha, ODT: 0,08ha, CLN: 0,02 ha	Vĩnh Bảo
20	Trường tiểu học Nguyễn Huệ (mở rộng)	DGD	0,68	-	0,68	CLN	Vĩnh Quang
21	Trường Mầm non Hoa Sen	DGD	0,43		0,43	LUC; ODT, CLN	An Hòa
22	Dự án nhà ở thu nhập thấp đường Nguyễn Cư Trinh (Công ty CP. Phát triển nhà Kiên Giang)	ODT	1,54	-	1,54	LUC	Vĩnh Quang
23	Khu dân cư Thái Bình	ODT	3,10		3,1	LUC	Vĩnh Quang
24	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (giai đoạn 2)	ODT	8,24		8,24	LUC: 8,02, CLN: 0,22	Vĩnh Quang
25	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (giai đoạn 3)	ODT	7,46	2,79	7,46	LUC: 6,97, CLN: 0,49	Vĩnh Quang
26	Khu dân cư Dương Minh Châu	ODT	9,38		9,38	LUC: 3,65 ha CLN: 5,60 ha DTL: 0,13	Vĩnh Quang
27	Trung tâm tài chính (TM3 Phú Cường)	ODT	0,39	-	0,39	TMD	An Hòa
28	Khu dân cư, nhà ở sĩ quan, cán bộ chiến sĩ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang	ODT	5,87		5,87	CLN, HNK	Vĩnh Quang
29	Đầu tư xây dựng Khu thương mại dịch vụ và nhà trẻ 03 nhóm (Công ty TNHH Đoàn Thịnh Phú)	TMD	0,57	-	0,57	LUC	Vĩnh Hiệp
30	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Trường Phát	DGD	4,40		4,40	LUC	Vĩnh Thông
31	Mở rộng hồ chứa nước ngọt dự trữ thành phố Rạch Giá (giai đoạn 1)	MNC	25,00		25	LUC: 23,36	Vĩnh Thông

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
32	Mở rộng hồ chứa nước ngọt dự trữ thành phố Rạch Giá (giai đoạn 2)	MNC	22,80		22,8	LUC: 21,01	Vĩnh Thông
33	Khu dân cư biệt thự vườn Trường Phát		9,90	-	9,90		
		ODT	8,99	-	8,99	LUC	Vĩnh Hiệp
		TMD	0,91	-	0,91	CLN	Vĩnh Hiệp
34	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1)		9,56	0,15	9,41		Vĩnh Quang
		DGT	3,96	0,13	3,83	LUC: 3,54 ha DTL: 0,16 ha CLN: 0,13	Vĩnh Quang
		DKV	1,04	-	1,04	LUC: 0,94 ha CLN: 0,03 ha DGT : 0,07 ha	Vĩnh Quang
		DTL	0,27	0,02	0,25	LUC: 0,15 ha DGT: 0,1 ha	Vĩnh Quang
		ODT	4,21	-	4,21	LUC: 3,78 ha; DTL: 0,07 ha DGT: 0,09 ha CLN: 0,27 ha	Vĩnh Quang
		TMD	0,08	-	0,08	LUC	Vĩnh Quang
			4,44	-	4,44		Vĩnh Hiệp
35	Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ	DGT	2,32	-	2,32	LUC	Vĩnh Hiệp
		DKV	0,65		0,65	LUC	Vĩnh Hiệp
		ODT	0,95		0,95	LUC	Vĩnh Hiệp
		DRA	0,02		0,02	LUC	Vĩnh Hiệp
		TMD	0,50	-	0,50	LUC	Vĩnh Hiệp
			6,35	6,35	-		
36	Khu dân cư Chợ nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá	DGT	2,66	2,66	-	DGT	Vĩnh Quang
		DKV	0,27	0,27	-	DKV	Vĩnh Quang
		DTL	0,02	0,02	-	DTL	Vĩnh Quang
		ODT	3,40	3,40	-	ODT	Vĩnh Quang
37	CVCĐ1 thuộc Khu 1 -Phú Cường	DKV	0,22		0,22	TMD	An Hòa
38	CVCĐ2 thuộc Khu 2 -Phú Cường	DKV	0,20		0,20	TMD	An Hòa
39	CVCĐ3 thuộc Khu 2 -Phú Cường	DKV	0,20		0,20	TMD	An Hòa
40	TM8 thuộc Khu 2 -Phú Cường	TMD	0,62		0,62	DKV	An Hòa
41	Cảng hành khách Rạch Giá	DGT	34,96	14,45	20,51	MVB	Vĩnh Thanh
42	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	ODT	33,71	-	33,71	MVB	An Hòa
		TMD	10,45	-	10,45	MVB	An Hòa
		DKV	23,45	-	23,45	MVB	An Hòa
		DGT	26,56		26,56	MVB	An Hòa
		DYT	0,40		0,40	MVB	An Hòa
		DNL	0,06		0,06	MVB	An Hòa

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
		DVH	1,70		1,70	MVB	An Hòa
		DRA	0,50		0,50	MVB	An Hòa
		DGD	2,53		2,53	MVB	An Hòa
43	Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	ODT	36,81	-	36,81	MVB	Rạch Sỏi
		TMD	6,53		6,53	MVB	Rạch Sỏi
		DKV	8,35		8,35	MVB	Rạch Sỏi
		DGD	1,81		1,81	MVB	Rạch Sỏi
		DYT	0,69	-	0,69	MVB	Rạch Sỏi
		DTT	0,64	-	0,64	MVB	Rạch Sỏi
		DNL	0,08		0,08	MVB	Rạch Sỏi
		DGT	33,54	-	33,54	MVB	Rạch Sỏi
44	Quần thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia	DGT	0,56	-	0,56	MVB	An Hòa
		DVH	0,65	-	0,65	MVB	An Hòa
		TMD	0,96	-	0,96	MVB	An Hòa
45	Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường	DGT	4,86	4,11	0,75	MVB	An Hòa
		DKV	2,23	1,52	0,71	MVB	An Hòa
		DRA	0,49		0,49	MVB	An Hòa
		ODT	2,50	2,50	-	ODT	An Hòa
		TMD	1,47	1,15	0,32	MVB	An Hòa
46	Công an tỉnh Kiên Giang	CAN	8,46	8,46	-	CAN	An Hòa
47	Trường Mẫu giáo Hướng Dương-Khu tái định cư An Hòa	DGD	0,39	0,39	-	DGD	An Hòa
48	Trường Mẫu giáo Bình Minh-Khu tái định cư Vĩnh Quang	DGD	0,46	0,46	-	DGD	Vĩnh Quang
49	Trại giống và trụ sở làm việc Trung tâm NLN nghiệp KG	NKH	2,27	2,27	-	NKH	Vĩnh Thông
50	Khu dân cư Nam An Hòa	ODT	4,67	4,67	-	ODT	An Hòa
51	Văn phòng làm việc Cảng hàng không Rạch Giá- CN Tổng công ty Hàng không Việt Nam- CTCP	TMD	0,04	0,04	-	TMD	Vĩnh Bảo
52	Trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang	TSC	0,31	0,31	-	TSC	Vĩnh Quang
53	Viện Kiểm sát nhân dân TPRG	TSC	0,21	0,21		TSC	An Hòa
54	Thông Tấn xã Khu vực phía Nam	TSC	0,03	0,03		TSC	An Bình
55	Khu tái định cư Cầu Suối	ODT	0,35	0,35	-	ODT	Vĩnh Quang
56	Trụ sở làm việc phòng Quản lý đô thị thành phố (150 Nguyễn Hùng Sơn)	ODT	0,03	0,03	-	TSC	Vĩnh Thanh Vân
57	Tuyến dân cư đường Đê Biển (L1, L4 đến L12)	ODT TMD	6,11	6,11		CSD	Vĩnh Quang
58	Khu đất UBND phường Vĩnh Quang quản lý (đường Quang Trung)	ODT	0,25	0,25		CLN	Vĩnh Quang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
59	Công ty CP Classic Mode (Việt Nam)	ODT	0,48	0,48		SKC	An Hòa
60	Khu dân cư làng Cầu Vòng	ODT	0,56	0,56	-	ODT	Vĩnh Quang
61	Tuyến dân cư đường Đê Biển (L2, L3)	ODT TMD	0,96	0,96	-	ODT	Vĩnh Quang
62	01 khu đất Công an tỉnh	ODT	0,09	0,09		CAN	Vĩnh Thanh Vân
63	04 khu đất Công an tỉnh	ODT	0,16	0,16		CAN	Vĩnh Thanh
64	Xí nghiệp Cơ khí 19 tháng 5 cũ	ODT	0,03	0,03	-	SKC	Vĩnh Lợi
65	Câu lạc bộ hưu trí (đường Nguyễn Trung Trực)	ODT	0,27	0,27		TSC	An Hòa

**** Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022**

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã loại đất	Hiện trạng năm 2021 (ha)	Diện tích Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022	Kết quả thực hiện năm 2022 (ha)	So sánh			
						Diện tích chưa thực hiện	Kế hoạch tăng (+) giảm (-)	Thực hiện tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)=(7)-(6)	9)=(6)-(4)	(10)=(7)-(4)	(11)=(10)/(9)*100
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		10.445,67	10.658,43	10.445,67	-212,76	212,76		
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	7.118,81	6.911,83	7.080,19	168,36	-206,98	-38,62	18,66
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	3.310,71	3.736,56	3.349,33	-387,23	425,85	38,62	9,07
3	Đất chưa sử dụng	CSD	16,15	10,04	16,15	6,11	-6,11		

➤ Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đạt được như sau:

Tổng diện tích tự nhiên của thành phố Rạch Giá là 10.445,67 ha, Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được duyệt là 10.658,43 ha tăng 212,76 ha so với hiện trạng. Kết quả ước tính đến tháng 12/2022 các dự án lấn biển chưa được thực hiện do đó diện tích tự nhiên của thành phố Rạch Giá không biến động. Không đạt so với kế hoạch được duyệt. (Tuy nhiên, trong đó dự án Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải) đã thực hiện xong phần san lấp mặt bằng nhưng chưa thống kê vào tăng diện tích tự nhiên do dự án đang được tiếp tục triển khai thực hiện phần cơ sở hạ tầng).

A. Đất nông nghiệp

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã loại đất	Hiện trạng năm 2021 (ha)	Diện tích Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022	Kết quả thực hiện năm 2022 (ha)	So sánh			
						Diện tích chưa thực hiện	Kế hoạch tăng (+) giảm (-)	Thực hiện tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)=(7)-(6)	9)=(6)-(4)	(10)=(7)-(4)	(11)=(10)/(9)*100
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	7.118,81	6.911,83	7.080,19	168,36	-206,98	-38,62	18,66
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.730,81	5.587,13	5.709,39	122,27	-143,69	-21,42	14,91
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	5.730,81	5.587,13	5.709,39	122,27	-143,69	-21,42	14,91
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	148,79	145,13	147,83	2,70	-3,66	-0,96	26,21
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.218,64	1.154,47	1.197,86	43,40	-64,18	-20,78	32,38
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	20,57	20,57	20,57				
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH		4,54	4,54		4,54	4,54	100,00

Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được duyệt, đất nông nghiệp có diện tích là 6.911,83 ha, hiện trạng năm 2021 là 7.118,81 ha, giảm 206,98 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là **7.080,19** ha, giảm 38,62 ha, đạt **18,66%** so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt (*nguyên nhân phần lớn các công trình, dự án đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 chưa được triển khai thực hiện và một số công trình đang tiếp tục thực hiện nhưng chưa thực hiện xong*), cụ thể như sau:

- **Đất trồng lúa:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 5.587,13 ha, hiện trạng năm 2021 là 5.730,81 ha, giảm 143,69 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 5.709,39 ha, giảm 21,42 ha, đạt 14,91% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 145,13 ha, hiện trạng năm 2021 là 148,79 ha, giảm 3,66 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 147,83 ha, giảm 0,96 ha, đạt 26,21 % so với kế hoạch đề ra.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 1.154,47 ha, hiện trạng năm 2021 là 1.218,64 ha, giảm 64,18 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 1.197,86 ha, giảm 20,78 ha, đạt 32,38 % so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 20,57 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 20,57 ha, đạt so với kế hoạch đề ra.

- **Đất nông nghiệp khác:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 4,54 ha, tăng 4,54 ha so với hiện trạng 2021. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 4,54 ha tăng 5,54 ha so với năm 2021. Đạt 100% so với kế hoạch được duyệt. *Đã thực hiện xong dự án chuyển mục đích Trang trại tổng*

hợp nuôi gà Nguyễn Minh Công 2,27 ha và Trại giống và trụ sở làm việc Trung tâm NLN nghiệp KG chuyển sang giao đất.

B. Đất phi nông nghiệp

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã loại đất	Hiện trạng năm 2021 (ha)	Diện tích Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022	Kết quả thực hiện năm 2022 (ha)	So sánh			
						Diện tích chưa thực hiện	Kế hoạch tăng (+) giảm (-)	Thực hiện tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)=(7)-(6)	9)=(6)-(4)	(10)=(7)-(4)	(11)=(10)/(9)*100
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	3.310,71	3.736,56	3.349,33	-387,23	425,85	38,62	9,07
	Trong đó:								
2.1	Đất quốc phòng	CQP	17,31	17,31	17,31				-
2.2	Đất an ninh	CAN	21,19	20,99	26,87	5,88	-0,20	5,68	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK							
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN							
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	45,02	67,91	45,77	-22,14	22,89	0,75	3,28
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	38,21	38,18	38,21	0,03	-0,03		
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS							
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX							
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.187,86	1.324,72	1.210,21	-114,51	136,86	22,35	16,33
	Trong đó:								
-	Đất giao thông	DGT	818,50	933,67	837,65	-96,02	115,17	19,15	16,63
-	Đất thủy lợi	DTL	185,62	184,67	185,35	0,68	-0,95	-0,27	28,42
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	15,03	23,15	18,13	-5,02	8,12	3,10	38,18
-	Đất cơ sở y tế	DYT	22,54	19,33	22,54	3,21	-3,21		
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	75,90	85,12	75,90	-9,22	9,22		
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	15,86	16,50	15,86	-0,64	0,64		
-	Đất công trình năng lượng	DNL	1,15	2,20	1,52	-0,68	1,05	0,37	35,24
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,73	1,73	1,73				
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG							
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,25	0,25	0,25				
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,11	1,12	0,11	-1,01	1,01		
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	20,48	20,48	20,48				
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	20,63	25,94	20,63	-5,31	5,31		

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã loại đất	Hiện trạng năm 2021 (ha)	Diện tích Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022	Kết quả thực hiện năm 2022 (ha)	So sánh			
						Diện tích chưa thực hiện	Kế hoạch tăng (+) giảm (-)	Thực hiện tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	0,07	0,07	0,07				
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH							
-	Đất chợ	DCH	10,00	10,50	10,00	-0,50	0,50		
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL							
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,28	1,28	1,28				
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	101,38	135,77	101,38	-34,39	34,39		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	110,60	115,60	111,70	-3,90	5,00	1,10	22,00
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.291,68	1.469,31	1.300,43	-168,88	177,63	8,75	4,93
2.15	Đất trụ sở cơ quan	TSC	20,46	22,41	20,45	-1,96	1,95	-0,01	-0,51
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	9,67	9,67	9,67				
2.17	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	6,17	6,32	6,17	-0,15	0,15		
2.18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	444,66	444,57	444,66	0,09	-0,09		
2.19	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	12,72	60,02	12,72	-47,30	47,30		
2.20	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,51	2,51	2,51				

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được duyệt, đất phi nông nghiệp có diện tích là 3.736,56 ha, hiện trạng năm 2021 là 3.310,71 ha, tăng 425,85 ha (trong đó tăng 212,76 ha từ 05 dự án lần biển). Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là **3.349,33ha**, tăng 38,62 ha, đạt **9,07%** so với kế hoạch được duyệt do chưa thực các dự án lần biển và phần lớn các công trình dự án đang triển khai thực hiện nhưng chưa thực hiện xong. Cụ thể như sau:

- **Đất quốc phòng:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 17,31 ha, sử dụng ổn định so với năm 2021, đạt so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất an ninh:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 20,99 ha, hiện trạng năm 2021 là 21,19 ha giảm 0,2 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 26,87 ha, tăng 5,68 ha do cập nhật diện tích hiện trạng công an tỉnh Kiên Giang (đã thực hiện xong chuyển sang giao đất) và Đội phòng cháy chữa cháy - phường Vĩnh Quang (đã thực hiện xong chuyển sang giao đất).

- **Đất thương mại, dịch vụ:** Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 67,91 ha, hiện trạng năm 2021 là 45,02 ha, tăng 22,89 ha. Kết quả thực hiện là 45,77 ha, tăng 0,75 ha, đạt 3,28% so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân: Đã thực hiện xong công trình Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ ô tô tại thành phố Rạch Giá (công ty

TNHH Toyota Kiên Giang) và Cửa hàng xăng dầu tại đường Nguyễn Thái Bình. Các dự án còn lại chưa được thực hiện.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 38,18 ha, hiện trạng năm 2021 là 38,21 ha, giảm 0,03. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 38,18 ha, không đạt kế hoạch được duyệt. *Nguyên nhân do chưa đấu giá xong dự án Xí nghiệp Cơ khí 19 tháng 5 cũ.*

- Đất phát triển hạ tầng: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 1.324,72 ha, hiện trạng năm 2021 là 1.187,86 ha, tăng 136,86 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 1.210,21 ha, tăng 22,35 đạt 16,33% so với kế hoạch được duyệt. *Cụ thể:*

+ *Đất giao thông:* Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 933,67 ha, hiện trạng năm 2021 là 818,50 ha, tăng 115,17 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 837,65ha, tăng 19,15 ha, đạt 16,63% kế hoạch được duyệt. *Nguyên nhân:*

- *Đã thực hiện xong Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành) 15,54 ha/16,54 ha; Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Lê Hồng Phong- Phan Thị Ràng) 1,00ha/1,75 ha; Đường Trần Văn Giàu (đoạn khu dân cư Nam An Hòa- Phan Thị Ràng) 0,70ha/1,93ha. Ngoài ra, đã thực hiện mở rộng, nâng cấp cải tạo rất nhiều các tuyến đường dân cư nông thôn, lộ nông thôn trên nền đất hiện hữu tại xã Phi Thông và phường Vĩnh Thông.*
- *Các dự án giao thông còn lại chưa thực hiện xong.*

+ *Đất Thủy lợi:* Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 184,67 ha, hiện trạng năm 2021 là 185,62 ha, giảm 0,95 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 185,35 ha, giảm 0,27 ha đạt 28,42% so với kế hoạch được duyệt.

- *Đã thực hiện chuyển đất thủy lợi cho dự án Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành) 0,27 ha;*
- *Chưa thực hiện chuyển đất thủy lợi 0,68 ha cho các dự án Tuyến dân cư hai bên đường số 02, Khu dân cư Dương Minh Châu và Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1).*

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa:* Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 23,15 ha, hiện trạng năm 2021 là 15,03 ha, tăng 8,12 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 15,23 ha, tăng 3,10 ha, đạt 38,18% so với kế hoạch được duyệt.

- *Đã thực hiện xong Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Sóc Cung 0,2 ha và dự án Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang 2,90 ha/3,50 ha.*

- Chưa thực hiện các dự án Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Ngọn và Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Vàm.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế*: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 19,33 ha, hiện trạng năm 2021 là 22,54 ha, giảm 3,21 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 22,54 ha, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa thực hiện đầu tư Bệnh viện đa khoa tỉnh KG (cũ).

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 85,15 ha, hiện trạng năm 2021 là 75,90 ha, tăng 9,22 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 9,22 ha, không đạt so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất công trình năng lượng*: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 2,20 ha, hiện trạng năm 2021 là 1,15 ha, tăng 1,05 ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2022 là 1,52 ha, đạt 35,24% so với kế hoạch được duyệt.

- Đã thực hiện xong Trạm Biến áp 110KV và đường dây đầu nối Kiên Giang 0,37 ha
- Chưa thực hiện Đường dây 220KV Rạch Giá 2-Kiên Bình mạch 2 0,67 ha; công trình năng lượng thuộc dự án Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải) và Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi .

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải* : Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 1,12 ha, hiện trạng năm 2021 là 0,11 ha, tăng 1,01 ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2022 là 0,11 ha không biến động so với năm 2021, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện các dự án xử lý nước thải trong các dự án khu dân cư đăng ký trong năm 2022.

+ *Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2022 là 25,94 ha, hiện trạng năm 2021 là 20,63 ha, tăng 5,31 ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2022 là 20,63 ha, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện dự án Mở rộng Nghĩa Trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang.

+ *Đất chợ*: Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2022 là 10,50 ha, hiện trạng năm 2021 là 10,0 ha, tăng 0,5 ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2022 là 10,0 ha, không đạt so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện xong dự án chợ An Hòa.

Trong nhóm đất phát triển hạ tầng các loại đất còn lại như: Đất công trình bưu chính viễn thông, Đất có di tích lịch sử - văn hóa, Đất cơ sở tôn giáo, Đất cơ sở nghiên cứu khoa học sử dụng ổn định trong năm 2022.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng**: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 1,28 ha, sử dụng ổn định trong năm 2022.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng**: Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 135,77 ha, hiện trạng năm 2021 là 101,38 ha, tăng 34,39 ha. Kết quả thực hiện đến năm 12/2022 là 101,38 ha, không đạt so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân các công trình dự án đất khu vui chơi, giải trí công cộng chưa thực hiện xong trong năm 2022.

- **Đất ở tại nông thôn:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 115,60 ha, hiện trạng năm 2021 là 111,70 ha, tăng 5,0 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 111,70 ha, tăng 1,10 ha, đạt 22,0% so với kế hoạch đề ra.

- **Đất ở tại đô thị:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 1.469,31 ha, hiện trạng năm 2021 là 1.291,68 ha, tăng 177,63 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 1.300,43 ha, tăng 8,75 ha, đạt 4,93% so với kế hoạch đề ra. *Nguyên nhân đạt thấp so với kế hoạch được duyệt do các dự án lấn biển, khu dân cư, khu tái định trên địa bàn thành phố đang được triển khai thực hiện nhưng chưa thực hiện xong. Ngoài ra diện tích đất ở đô thị giảm 3,13 ha do bị thu hồi để thực hiện dự án đường giao thông và đất công trình xây dựng cơ sở văn hóa.*

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 22,41 ha, hiện trạng năm 2021 là 20,46 ha, tăng 1,95 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 20,45 ha, giảm 0,01 ha, không đạt so với kế hoạch đề ra. *Nguyên nhân chưa thực hiện các công trình, dự án như: Trụ sở cục Hải quan tỉnh Kiên Giang và chi cục Hải Quan thành phố Rạch Giá, Tòa án tỉnh Kiên Giang, Trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang, Trụ sở làm việc chung các Hội... diện tích giảm 0,01 do thực hiện xong đấu giá Hội Liên hiệp phụ nữ-phường Vĩnh Thanh Vân.*

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 9,67 ha. Kết quả thực hiện sử dụng ổn định đạt 100% so với kế hoạch đề ra.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 6,32 ha, hiện trạng năm 2021 là 6,17 ha, tăng 0,15 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 6,17 ha, không đạt so với kế hoạch đề ra. *Nguyên nhân chưa thực hiện mở rộng đình Nguyễn Trung Trực-phường Vĩnh Thanh.*

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 444,57 ha, hiện trạng năm 2021 là 444,66 ha, giảm 0,09 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 444,66 ha, không đạt so với kế hoạch đề ra. *Nguyên nhân chưa thực hiện chuyển 0,09 ha sang công trình Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiến (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân).*

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 60,02 ha, hiện trạng năm 2021 là 12,27 ha, tăng 47,30 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 12,72 ha, không đạt so với kế hoạch đề ra. *Nguyên nhân chưa thực hiện dự án mở rộng hồ chứa nước ngọt dự trữ thành phố Rạch Giá-phường Vĩnh Thông.*

- **Đất phi nông nghiệp khác:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 2,51 ha. Kết quả thực hiện sử dụng ổn định, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt

C. Đất chưa sử dụng:

Kế hoạch sử dụng đất được duyệt 2022 là 10,04 ha, hiện trạng năm 2021 là 16,15 ha, giảm 6,11 ha. Kết quả thực hiện ước tính đến tháng 12/2022 là 10,04 ha, không đạt so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chưa thực hiện đưa đất bằng vào sử dụng cho dự án Tuyến dân cư đường Đê Biển (L1, L4 đến L12).

2.2 Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Đánh giá kết quả thực hiện 84 danh mục công trình trong năm 2022. Cụ thể:

*** Đối với danh mục thu hồi đất:** 25 danh mục công trình

- Đã thực hiện xong 02 danh mục: Trạm Biến áp 110KV và đường dây đầu nối Kiên Giang, Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Sóc Cung.

- Danh mục đăng kí năm 2020: 05 danh mục công trình quá hạn 3 năm

- 04 danh mục đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường và quyết định thu hồi đất gồm: Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành), Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Lê Hồng Phong- Phan Thị Ràng), Đường Trần Văn Giàu (đoạn khu dân cư Nam An Hòa- Phan Thị Ràng), Đèn tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã cập nhập vào diện tích hiện trạng phần diện tích đã thực hiện xong công tác bồi thường, hỗ trợ. Tiếp tục thực hiện phần diện tích còn lại.
- 01 danh mục Dự án ĐTXD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất (đoạn Rạch Giá) đang thực hiện thống nhất chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- Danh mục đăng kí năm 2021, 2022: 18 danh mục công trình gồm Chợ An Hoà – Khu 3 Phú Cường, Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thương mại Rạch Sỏi, Mở rộng đường Đông Hồ (đoạn Lê Thị Hồng Gấm – Phạm Ngọc Thạch), Mở rộng đường Võ Trường Toản (đoạn Lý Thường Kiệt – Nguyễn Bình Khiêm), Mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm, Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (đường), Đường dây 220KV Rạch Giá 2-Kiên Bình mạch 2, Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Ngọn, Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Vàm, Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (khu dân cư), Khu tái định cư chợ Nam An Hòa (thuộc Khu đô thị Phú Cường), Khu dân cư Nam An Hoà (Giai đoạn 2), Mở rộng đình Nguyễn Trung Trực, Trụ sở làm việc chung các Hội, Trụ sở cục Hải quan tỉnh Kiên Giang và chi cục Hải Quan thành phố Rạch Giá, Tòa án tỉnh Kiên Giang, Mở rộng Nghĩa Trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang, Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân) đang tiếp tục triển khai thực hiện.

*** Đối với danh mục chuyển mục đích: 24 danh mục công trình**

- Đã thực hiện xong 03 danh mục chuyển mục đích dự án Trang trại tổng hợp nuôi gà Nguyễn Minh Công, Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ ô tô tại thành phố Rạch Giá (công ty TNHH Toyota Kiên Giang), Cửa hàng xăng dầu tại đường Nguyễn Thái Bình.

- 03 danh mục Trường Tiểu học Nguyễn Huệ (mở rộng), Trường Mầm non Hoa Sen, Khu dân cư Chợ nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá chuyển sang giao đất.

- Danh mục đăng kí năm 2020: 02 danh mục công trình quá hạn 03 năm

+ Trung tâm tài chính (TM3 Phú Cường): đăng ký tiếp tục thực hiện.

+ Khu dân cư biệt thự vườn Trường Phát: quy hoạch 1/500 của dự án không còn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của TPRG được phê duyệt do đó Chủ đầu tư đang thực hiện điều chỉnh quy hoạch 1/500 của dự án và thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết đảm bảo dự án phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Danh mục đăng kí trong năm 2021, năm 2022: 16 danh mục công trình gồm Dự án nhà ở thu nhập thấp đường Nguyễn Cư Trinh (Công ty CP. Phát triển nhà Kiên Giang), Khu dân cư Thái Bình, Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (giai đoạn 2), Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (giai đoạn 3), Khu dân cư Dương Minh Châu, Khu dân cư, nhà ở sĩ quan, cán bộ chiến sĩ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang, Đầu tư xây dựng Khu thương mại dịch vụ và nhà trẻ 03 nhóm (Công ty TNHH Đoàn Thịnh Phú), Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Trường Phát, Mở rộng hồ chứa nước ngọt dự trữ thành phố Rạch Giá (giai đoạn 1), Mở rộng hồ chứa nước ngọt dự trữ thành phố Rạch Giá (giai đoạn 2), Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1), Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ, CVCĐ1 thuộc Khu 1 -Phú Cường, CVCĐ2 thuộc Khu 2 -Phú Cường, CVCĐ3 thuộc Khu 2 -Phú Cường, TM8 thuộc Khu 2 -Phú Cường đang tiếp tục triển khai thực hiện .

*** Đối với danh mục giao đất: 10 danh mục công trình**

- Hủy thực hiện 01 danh mục công trình Công an phường Vĩnh Thanh Vân.

- 09 danh mục công trình gồm: Công an tỉnh Kiên Giang, Trường Mẫu giáo Hướng Dương- Khu tái định cư An Hòa, Trường Mẫu giáo Bình Minh- Khu tái định cư Vĩnh Quang, Trại giống và trụ sở làm việc Trung tâm NLN nghiệp KG, Khu dân cư Nam An Hòa, Văn phòng làm việc Cảng hàng không Rạch Giá- CN Tổng công ty Hàng không Việt Nam- CTCP, Trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang, Viện

Kiểm sát nhân dân TPRG, Thông Tấn xã Khu vực phía Nam đang tiếp tục thực hiện thủ tục về đất đai.

*** Đối với danh mục đấu giá quyền sử dụng đất:** 20 danh mục công trình

- Đã thực hiện xong đấu giá Hội Liên hiệp phụ nữ.

- Danh mục hủy: 08 danh mục hủy thực hiện đấu giá trong năm 2023 gồm: Khu đất của Đài truyền hình Kiên Giang, Khu đất dịch vụ C1 (Công viên Lạc Hồng), Bệnh viện đa khoa tỉnh KG (cũ), Trung tâm phát triển Quỹ đất, Hội Cựu Chiến binh, Phòng kinh tế, Hội Chữ thập đỏ, Hội đồng nhân dân do không còn phù hợp.

- Còn lại 11 danh mục công trình gồm Khu tái định cư Cầu Suối, Trụ sở làm việc phòng Quản lý đô thị thành phố (150 Nguyễn Hùng Sơn), Tuyến dân cư đường Đê Biển (L1, L4 đến L12), Khu đất UBND phường Vĩnh Quang quản lý (đường Quang Trung), Công ty CP Classic Mode (Việt Nam), Khu dân cư làng Cầu Vòng, Tuyến dân cư đường Đê Biển (L2, L3), 01 khu đất Công an tỉnh, 04 khu đất Công an tỉnh, Xí nghiệp Cơ khí 19 tháng 5 cũ, Câu lạc bộ hưu trí (đường Nguyễn Trung Trực) tiếp tục thực hiện.

*** Đối với danh mục dự án lấn biển:** 05 danh mục công trình

- Dự án Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải): thực hiện xong phần san lấp mặt bằng chưa cập nhật tăng diện tích tự nhiên.

- 04 dự án gồm: Cảng hành khách Rạch Giá, Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi, Quần thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia, Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường đang tiếp tục triển khai thực hiện.

Nhìn chung, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác quản lý đất đai trên địa bàn thành phố, nhất là trong công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 vẫn còn nhiều tồn tại như sau:

- Quyết định quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được phê duyệt tại Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang. Thời gian thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 ngắn do đó các danh mục công trình dự án đăng ký mới trong kế hoạch năm 2022 phần lớn chưa được triển khai thực hiện. Danh mục đã thực hiện đạt 06/84 công trình và 04/84 danh mục công trình đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường và quyết định thu hồi đất.

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt người có nhu cầu sử dụng đất chậm thực hiện thủ tục về đất đai nhất là trong việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Một số công trình, dự án triển khai thực hiện dự án kéo dài (nhất là các dự án lớn như: 05 dự án lấn biển, các khu dân cư, khu tái định cư, tuyến dân cư, Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành), Mở rộng hồ chứa nước ngọt dự trữ thành phố Rạch Giá... chưa thực hiện xong trong năm kế hoạch do thời gian thực hiện kéo dài. Từ đó, một số chỉ tiêu sử dụng đất không đạt hoặc đạt thấp so với kế hoạch sử dụng đất 2022 được duyệt.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 phần lớn được xây dựng, xét duyệt trên cơ sở chuyển tiếp các hạng mục công trình kế sử dụng đất năm 2021, một số hạng mục đăng ký mang tính định hướng dài hạn.

- Một số hạng mục công trình đã đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được duyệt do thiếu hụt nguồn vốn dẫn đến nhiều danh mục công trình được dự kiến thực hiện nhưng không thể xây dựng được.

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn hạn chế chưa nắm sát nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn làm chậm tiến độ thực hiện dự án.

- Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức nhất là các điểm trường trên địa bàn thành phố còn khó khăn vướng mắc. Do diện tích đất được phê duyệt trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật trước đây với diện tích xin cấp giấy chưa phù hợp nên chưa thực hiện được thủ tục.

- Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt ở các cấp chưa thường xuyên. Tình trạng sử dụng đất sai với quy hoạch, kế hoạch chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

- Công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn gặp nhiều khó khăn phần lớn do thiếu ngân sách thực hiện các thủ tục về đất đai.

- Tình hình dịch bệnh Covid - 19 tuy đã được kiểm soát nhưng vẫn còn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến đời sống kinh doanh và sản xuất của nhiều tổ chức, hộ gia đình và cá nhân nên nhu cầu chuyển mục đích cũng giảm theo.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1 Chỉ tiêu sử dụng đất

Để xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực thực hiện trong năm 2023, căn cứ theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Rạch Giá được phê duyệt tại Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2022 và đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của các ngành, các cấp có liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn thành phố; đồng thời cân nhắc khả năng đầu tư thực hiện trong năm 2023 nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương, dự báo nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá như sau:

Tổng danh mục công trình dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023: 90 công trình (trong đó: 32 dự án công trình thu hồi, 18 chuyển mục đích, 13 đấu giá quyền sử dụng đất, 20 dự án cấp giấy giao đất và 07 dự án công trình lần biển). *(Kèm Biểu 10/CH)*

STT	Công trình	Số lượng
1	Công trình dự án chuyển tiếp	69
-	Dự án lần biển	5
-	Công trình dự án thu hồi đất	23
-	Công trình dự án chuyển mục đích	18
-	Công trình dự án giao đất	12
-	Công trình dự án đấu giá quyền sử dụng đất	11
2	Công trình dự án đăng kí mới	21
-	Dự án lần biển	2
-	Công trình dự án thu hồi đất	9
-	Công trình dự án giao đất	8
-	Công trình dự án đấu giá quyền sử dụng đất	2
	Tổng cộng	90

- Danh mục công trình chuyển tiếp: 69 công trình *(Kèm phụ lục 03)*

- Danh mục công trình đăng kí mới: 21 công trình

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)
I	Danh mục công trình thu hồi đất							
1	Đường cấp kênh Tư Non	DGT	0,44	0,17	0,27	DTL: 0,11 ha ODT: 0,06 ha CLN: 0,1 ha	Vĩnh Quang	Nghị quyết 85/NQ-HĐND ngày 5/8/2022 của HĐND tỉnh Kiên Giang về việc bổ sung danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2022
2	Đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	DGT	0,71	0,12	0,59	ODT: 0,46 ha CLN: 0,13 ha	Vĩnh Quang	Nghị quyết 85/NQ-HĐND ngày 5/8/2022 của HĐND tỉnh Kiên Giang về việc bổ sung danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2022
3	Đường Tú Xương (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	DGT	0,85	0,56	0,29	NTD: 0,1 ha CLN: 0,1 ha DKV: 0,02 ha ODT: 0,03 DTL: 0,04 ha	Vĩnh Quang	Nghị quyết 85/NQ-HĐND ngày 5/8/2022 của HĐND tỉnh Kiên Giang về việc bổ sung danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2022
4	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Âu Cơ đến đường Lạc Hồng)	DGT	0,16	0,11	0,05	ODT	Vĩnh Lạc	Nghị quyết 85/NQ-HĐND ngày 5/8/2022 của HĐND tỉnh Kiên Giang về việc bổ sung danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2022
5	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Lạc Long Quân đến đường Nguyễn An Ninh)	DGT	0,2	0,12	0,08	ODT	Vĩnh Lạc	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30/7/2020 của HĐND thành phố Rạch Giá về chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
6	Đường Đông Hồ (đoạn đầu nối ra đường Trần Phú)	DGT	0,13	0,05	0,08	ODT	Vĩnh Thanh	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30/7/2020 của HĐND thành phố Rạch Giá về chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá
7	Đường Võ Trường Toản (đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Nguyễn Thái Bình)	DGT	7,33	3,02	4,31	LUC: 0,07, DTL: 0,82 CLN: 1,02 ODT : 1,8 ha HNK: 0,51 NTD: 0,09	Vĩnh Quang	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30/7/2020 của HĐND thành phố Rạch Giá về chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá
			1,72	0,34	1,38			
8	Cầu Giải phóng 9 (Cầu bắc qua kênh Rạch Giá-Hà Tiên)	DGT	1,23	0,27	0,96	DCH: 0,06 ODT: 0,17 CLN: 0,04 SKC: 0,13 TON: 0,04 SON: 0,52	Vĩnh Thanh	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30/7/2020 của HĐND thành phố Rạch Giá về chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn sử dụng đất trên địa bàn thành phố Rạch Giá
		DGT	0,19	0,06	0,13	HNK: 0,06 SON: 0,07	Vĩnh Hiệp	Nghị quyết 98/NQ-HĐND ngày 26/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
		DGT	0,3	0,01	0,29	ODT: 0,14 ha SON: 0,15	Vĩnh Thông	
9	Trạm 110KV Khu công nghiệp Thạnh Lộc và đường dẫn	DNL	0,13		0,13	LUC: 0,07 HNK: 0,06	Vĩnh Hiệp	Nghị quyết 85/NQ-HĐND ngày 5/8/2022 của HĐND tỉnh Kiên Giang về việc bổ sung danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2022

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
II	Danh mục giao đất, cấp giấy CNQSDD							
1	Trụ sở UBND phường Vĩnh Thông (xây dựng mới)	TSC	0,35	0,35		TSC	Vĩnh Thông	- Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, thửa số 126, tờ BĐ 32
2	Trung tâm văn hóa thể thao phường Rạch Sỏi	DVH	0,26		0,26	HNK	Rạch Sỏi	- Tờ trình 47/TTr-UBND ngày 19/10/2021 - Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, thửa số 6, tờ BĐ 59
3	Trụ sở Khu phố 7	DSH	0,02		0,02	HNK	Rạch Sỏi	Biên bản làm việc UBND thành phố RG
4	BCH quân sự phường Rạch Sỏi	TSC	0,47		0,47	LUC	Rạch Sỏi	- Tờ trình 47/TTr-UBND ngày 19/10/2021 - Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, thửa số 142, tờ BĐ 60
5	BCH quân sự phường Vĩnh Lợi	TSC	0,09		0,09	CLN	Vĩnh Lợi	Trích đo địa chính số TĐ 289-2021 (262-13)
6	Trụ sở Khu phố 3	DSH	0,01	0,01		CLN	An Bình	Có trích đo kèm theo
7	Trụ sở Khu phố 8	DSH	0,02		0,02	CLN	An Hòa	Biên bản làm việc UBND thành phố RG
8	Đội phòng cháy chữa cháy	CAN	0,87	0,87		CAN	Vĩnh Quang	Đã thực hiện xong phương án bồi thường chuyển sang giao đất
III	Danh mục đấu giá quyền sử dụng đất							

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
1	Đấu giá trường mẫu giáo Hoa Mai (điểm phụ)	ODT	0,03		0,03	DGD	Rạch Sỏi	- Có GCN QSDĐ số BA 182 769 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 24/6/2010 (liên hệ phường xin GCN sau)
2	Đấu giá Khu đất thu hồi Công ty cổ phần ĐTXD HUD Kiên Giang	ODT	0,48		0,48	SKC	Vĩnh Quang	Công văn số 58/TTPTQĐ-QLPTĐT ngày 11/8/2022 của Trung tâm Phát triển Quỹ Đất V/v đăng ký nhu cầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2023
IV	Dự án lấn biển							
1	Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2)		98,12	-	98,12			Quyết định 1539/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Khu Đô thị Tây Bắc phường Vĩnh Quang giai đoạn 2 (Khu đô thị Sonasea Kien Giang City) Quyết định 3111/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang V/v thành lập hội đồng thẩm định nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch phân khu Khu Đô thị mới Tây Bắc (giai đoạn 2) Quyết định 3121/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang
		DGD	5,56		5,56	MVB	Vĩnh Quang	
		DGT	28,81		28,81	MVB	Vĩnh Quang	
		DHT	9,68		9,68	MVB	Vĩnh Quang	
		DKV	15,70		15,70	MVB	Vĩnh Quang	
		TMD	3,62		3,62	MVB	Vĩnh Quang	
		ODT	34,75		34,75	MVB	Vĩnh Quang	

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
2	Cụm Công Viên Lạc Hồng		92,00	15,48	76,52			Thông báo 540/TB-SXD ngày 25/3/2022 của Sở Xây dựng thông báo ý kiến kết luận của Sở xây dựng Quyết định 1609/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang V/v phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Rạch Giá
			70,56	13,16	57,40			
		DGT	11,60	3,34	8,26	MVB	Vĩnh Lạc	
		TSC	26,10		26,10	MVB	Vĩnh Lạc	
		DKV	12,60	5,36	7,24	MVB	Vĩnh Lạc	
		ODT	17,93	2,13	15,80	MVB	Vĩnh Lạc	
		TMD	2,32	2,32		TMD	Vĩnh Lạc	
		DSH	0,01	0,01		DSH	Vĩnh Lạc	
			21,44	2,32	19,12			
		ODT	16,50		16,50	MVB	Vĩnh Bảo	
		DGT	1,73	0,01	1,72	MVB	Vĩnh Bảo	
		DKV	3,21	2,31	0,90	DKV	Vĩnh Bảo	

Tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 thành phố Rạch Giá phân theo đơn vị hành chính

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích năm 2023 (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				An Bình	An Hòa	Rạch Sỏi	Vĩnh Lợi	Vĩnh Lạc	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Bảo	Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh Vân	Vĩnh Quang	Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		10.802,39	476,13	732,09	433,49	356,24	343,79	1.060,84	137,20	152,72	80,68	1.136,38	1.406,23	4.486,62
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	6.895,37	167,61	105,51	164,27	194,00	16,17	756,11	2,73	1,96		399,66	1.082,15	4.005,20
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.566,15	83,11	3,39	94,74	133,01		460,22				130,44	898,92	3.762,32
	Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước	LUC	5.566,15	83,11	3,39	94,74	133,01		460,22				130,44	898,92	3.762,32
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	143,72	2,10	4,68	0,91	1,25		66,30				42,54	20,00	5,93
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.152,45	82,40	97,44	68,61	59,74	16,17	228,97	2,73	1,96		226,69	141,21	226,54
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH													
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX													
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên														
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	20,57						0,62					19,76	0,19
1.8	Đất làm muối	LMU													
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	12,49											2,27	10,22
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	3.896,98	308,52	626,58	259,18	162,24	327,62	304,73	134,47	150,76	80,68	736,71	324,07	481,42
2.1	Đất quốc phòng	CQP	17,31		0,44	0,19	2,52	11,60			0,11		2,45		
2.2	Đất an ninh	CAN	26,62	0,04	9,81	8,75	0,04	0,09	0,04	0,18	2,72	0,06	4,77	0,07	0,06
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN													
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	62,08	4,17	15,33	7,63	2,03	6,53	6,41	7,64	3,23	1,80	6,83	0,47	

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích năm 2023 (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				An Bình	An Hòa	Rạch Sỏi	Vĩnh Lợi	Vĩnh Lạc	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Bảo	Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh Vân	Vĩnh Quang	Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	37,57	14,63	4,25	1,65	5,58	0,83	0,22	0,16	0,98	0,06	8,48	0,74	
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS													
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX													
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.385,57	64,52	230,73	93,33	75,18	89,50	147,08	34,34	73,69	26,83	268,19	117,45	164,74
	<i>Trong đó: đất dự trữ hạ tầng</i>		9,68										9,68		
-	<i>Đất giao thông</i>	DGT	979,13	41,08	171,78	72,95	60,09	71,18	57,02	27,59	51,60	18,67	197,93	74,76	134,51
-	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	183,69	4,70	12,19	0,20	12,86		80,25	0,01	3,98		15,13	34,33	20,04
-	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	DVH	20,14		7,21	0,26		1,67			9,57	0,55			0,87
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	DYT	23,63	0,10	13,64	0,70	0,09	3,46	0,05	0,31	0,07	4,61	0,45	0,08	0,08
-	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	DGD	90,38	4,16	18,72	16,37	0,41	8,53	3,56	4,84	6,88	1,94	11,59	6,35	7,03
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	DTT	16,50	11,35		0,64		0,81	1,00				1,20	1,51	
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL	2,33	0,01	0,11	0,08		0,67	0,27			0,36	0,55	0,28	
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	DBV	1,73	0,03	0,80	0,01	0,03	0,29	0,02		0,15		0,28		0,11
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	DKG													
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	DDT	0,25		0,21					0,04					
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	DRA	1,42		1,04				0,02				0,36		
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	TON	20,44	3,09	2,14	0,69	1,11	1,47	2,76	1,25	1,06	0,58	5,30	0,06	0,93

[illegible]

3.2 Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.2.1 Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

- Lĩnh vực quốc phòng: Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lĩnh vực quốc phòng không đăng ký thực hiện danh mục công trình dự án mới. Diện tích đất quốc phòng của thành phố Rạch Giá đến năm 2023 là 17,31 ha.

- Lĩnh vực an ninh: Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lĩnh vực an ninh có thực hiện 02 công trình giao đất với diện tích 9,33 ha. Diện tích đất an ninh của thành phố Rạch Giá đến năm 2023 là 26,62 ha.

- Lĩnh vực thương mại dịch vụ: Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lĩnh vực thương mại dịch vụ có thực hiện 13 công trình với diện tích tăng thêm 17,82 ha. Diện tích đất thương mại dịch vụ của thành phố Rạch Giá đến năm 2023 là 72,52 ha (trong đó: đất thương mại dịch vụ là 62,08ha và đất chợ là 10,44 ha).

- Lĩnh vực giao thông: Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lĩnh vực giao thông thực hiện 28 công trình với tổng diện tích tăng thêm là 141,90ha (*trong đó bao gồm 18 dự án đường giao thông ngân sách nhà nước và 10 dự án đường giao thông trong các khu dân cư, khu đa mục đích và dự án lấn biển*). Diện tích đất giao thông của thành phố Rạch Giá đến năm 2023 là 979,13 ha.

- Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lĩnh vực giáo dục và đào tạo có thực hiện 06 công trình, dự án với tổng diện tích tăng thêm 15,14 ha và 02 công trình giao đất với diện tích là 0,85 ha. Diện tích đất giáo dục và đào tạo của thành phố Rạch Giá đến năm 2023 là 90,38 ha.

- Lĩnh vực sinh hoạt cộng đồng: Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lĩnh vực sinh hoạt cộng đồng có thực hiện 03 công trình, dự án với tổng diện tích tăng thêm 0,05 ha. Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng của thành phố Rạch Giá đến năm 2023 là 1,33 ha.

- Lĩnh vực văn hóa: Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lĩnh vực văn hóa có thực hiện 05 công trình với tổng diện tích tăng thêm là 2,01 ha. Diện tích đất văn hóa của thành phố Rạch Giá đến năm 2023 là 20,14 ha.

- Lĩnh vực y tế: Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lĩnh vực y tế có thực hiện 02 công trình với diện tích tăng thêm là 1,09 ha. Diện tích đất y tế của thành phố Rạch Giá đến năm 2023 là 23,63 ha.

- Lĩnh vực bãi thải, xử lý chất thải: Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lĩnh vực bãi thải, xử lý chất thải có thực hiện 05 công trình với diện tích tăng thêm là 1,31 ha. Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải của thành phố Rạch Giá đến năm 2023 là 1,42 ha.

- Lĩnh vực năng lượng: Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lĩnh vực năng lượng có thực hiện 04 công trình với diện tích tăng thêm là 0,81 ha. Diện tích đất năng lượng của thành phố Rạch Giá đến năm 2023 là 2,33 ha.

- Lĩnh vực nông nghiệp khác: Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 lĩnh vực nông nghiệp khác có thực hiện chuyển mục đích với diện tích tăng thêm là 7,95 ha và 01 dự án giao đất với diện tích là 2,27 ha. Diện tích đất nông nghiệp khác của thành phố Rạch Giá đến năm 2023 là 12,49 ha.

3.2.2 Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Trong kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong năm 2021 là 111 công trình, dự án. Trong đó:

- **Đất An ninh:** Đăng ký thực hiện 02 công trình giao đất diện tích 9,51 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm đến cấp xã
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Công an tỉnh Kiên Giang	8,64	8,64			An Hòa
2	Đội Phòng cháy chữa cháy	0,87	0,87			Vĩnh Quang
	Tổng	9,51	9,51			

- **Đất thương mại dịch vụ:** Đăng kí thực hiện 14 công trình với diện tích tăng thêm 17,32 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Đầu tư xây dựng Khu thương mại dịch vụ và nhà trẻ 03 nhóm (Công ty TNHH Đoàn Thịnh Phú)	0,57	-	0,57	LUC	Vĩnh Hiệp
2	TM8 thuộc Khu 2 -Phú Cường	0,62		0,62	DKV	An Hòa
3	Khu dân cư biệt thự vườn Trường Phát	0,91	-	0,91	CLN	Vĩnh Hiệp
4	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1)	0,08	-	0,08	LUC	Vĩnh Quang
5	Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ	0,50	-	0,50	LUC	Vĩnh Hiệp
6	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lần biên Trần Quang Khải)	3,21	-	3,21	MVB	An Hòa
7	Khu đô thị Phú Quý_Lần biên Tây Nam Rạch Sỏi	6,53		6,53	MVB	Rạch Sỏi
8	Quần thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia	0,96	-	0,96	MVB	An Hòa
9	Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường	1,47	1,15	0,32	MVB	An Hòa
10	Văn phòng làm việc Cảng hàng không Rạch Giá- CN Tổng công ty Hàng không Việt Nam- CTCP	0,04	0,04	-	TMD	Vĩnh Bảo
11	Tuyến dân cư đường Đê Biên (L1, L4 đến L12)	6,11	6,11		CSD	Vĩnh Quang
12	Tuyến dân cư đường Đê Biên (L2, L3)	0,96	0,96	-	ODT	Vĩnh Quang
13	Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2)	3,62		3,62	MVB	Vĩnh Quang
14	Cụm Công Viên Lạc Hồng	2,32	2,32		TMD	Vĩnh Lạc
	Tổng:			17,32		

• **Đất chợ:** Đăng ký thực hiện 01 công trình diện tích 0,50 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất	
1	Chợ An Hoà – Khu 3 Phú Cường	0,76	0,26	0,5	MNC	An Hòa

• **Đất cơ sở giáo dục và đào tạo:** Đăng ký thực hiện 06 công trình diện tích tăng thêm 15,14 ha và 02 công trình giao đất 0,85 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất	
1	Trường tiểu học Nguyễn Huệ (mở rộng)	0,68		0,68	CLN	Vĩnh Quang
2	Trường Mầm non Hoa Sen	0,43		0,43	LUC, CLN, ODT	An Hòa
3	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Kiên Giang	4,52		4,52	LUC	Vĩnh Thông
4	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	2,53		2,53	MVB	An Hòa
5	Khu đô thị Phú Quý_ Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	1,81		1,81	MVB	Rạch Sỏi
6	Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2)	5,56		5,56	MVB	Vĩnh Quang
7	Trường Mẫu giáo Hướng Dương- Khu tái định cư An Hòa	0,39	0,39			An Hòa
8	Trường Mẫu giáo Bình Minh- Khu tái định cư Vĩnh Quang	0,46	0,46			Vĩnh Quang
	Tổng	15,99	0,85	15,14		

• **Đất công trình giao thông:** Đăng ký thực hiện 28 công trình diện tích tăng thêm 141,90 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	16,45	15,45	1,00	CLN	Rạch Sỏi
2	Chợ An Hoà – Khu 3 Phú Cường	0,51	0,35	0,16	CLN	An Hòa
3	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thương mại Rạch Sỏi	0,13	0,07	0,06	ODT	Rạch Sỏi
4	Dự án ĐTXD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất (đoạn Rạch Giá)	0,36		0,36	LUC:0,32 CLN: 0,04	Vĩnh Quang
5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Lê Hồng Phong- Phan Thị Ràng)	1,75	1,0	0,75	CLN	An Hòa
6	Đường Trần Văn Giàu (đoạn khu dân cư Nam An Hòa- Phan Thị Ràng)	1,63	0,7	0,93	CLN:0,05ha; ODT: 0,1 ha HNK: 0,15 ha DGD: 0,63 ha	An Hòa
7	Mở rộng đường Đông Hồ (đoạn Lê Thị Hồng Gấm – Phạm Ngọc Thạch)	0,31	0,07	0,24	ODT	Vĩnh Thanh

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
8	Mở rộng đường Võ Trường Toản (đoạn Lý Thường Kiệt – Nguyễn Bình Khiêm)	0,76	0,15	0,61	ODT	Vĩnh Thanh
9	Mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm	0,89	-	0,89	ODT	Vĩnh Quang
10	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (đường)	5,21		5,21	LUC: 2,51 ha CLN: 2,51 ha DTL: 0,19 ha	Vĩnh Quang
11	Đường cấp kênh Tư Non	0,44	0,17	0,27	DTL: 0,11 ha ODT: 0,06 ha CLN: 0,1 ha	Vĩnh Quang
12	Đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biên)	0,71	0,12	0,59	ODT: 0,46 ha CLN: 0,13 ha	Vĩnh Quang
13	Đường Võ Trường Toản (đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Nguyễn Thái Bình)	7,33	3,02	4,31	LUC: 0,07, DTL: 0,82 CLN: 1,02 ODT : 1,8 ha HNK: 0,51 NTD: 0,09	Vĩnh Quang
14	Đường Tú Xương (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biên)	0,85	0,56	0,29	NTD: 0,1 ha CLN: 0,1 ha DKV: 0,02 ha DTL: 0,04 ha	Vĩnh Quang
15	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Âu Cơ đến đường Lạc Hồng)	0,16	0,11	0,05	ODT	Vĩnh Lạc
16	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Lạc Long Quân đến đường Nguyễn An Ninh)	0,2	0,12	0,08	ODT	Vĩnh Lạc
17	Đường Đông Hồ (đoạn đầu nối ra đường Trần Phú)	0,1	0,05	0,05	ODT	Vĩnh Thanh
18	Cầu Giải phóng 9 (Cầu bắc qua kênh rạch Giá-Hà Tiên)	1,23	0,27	0,96	DCH: 0,06 ODT: 0,17 CLN: 0,04 SKC: 0,13 TON: 0,04 SON: 0,52	Vĩnh Thanh
		0,19	0,06	0,13	HNK: 0,06 SON: 0,07	Vĩnh Hiệp
		0,3	0,01	0,29	ODT: 0,14 ha SON: 0,15	Vĩnh Thông
19	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1)	3,96	0,13	3,83	LUC: 3,54 ha DTL: 0,16 ha CLN: 0,13	Vĩnh Quang
20	Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ	2,32	-	2,32	LUC	Vĩnh Hiệp
21	Khu dân cư Chợ nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá	2,66	2,66	-	DGT	Vĩnh Quang
22	Cảng hành khách Rạch Giá	34,96	14,45	20,51	MVB	Vĩnh Thanh
23	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	24,37		24,37	MVB	An Hòa
24	Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	33,54	-	33,54	MVB	Rạch Sỏi
25	Quần thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia	0,56	-	0,56	MVB	An Hòa

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
26	Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường	4,86	4,11	0,75	MVB	An Hòa
27	Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2)	28,81		28,81	MVB	Vĩnh Quang
28	Cụm Công Viên Lạc Hồng	11,60	3,34	8,26	MVB	Vĩnh Lạc
		1,73	0,01	1,72	MVB	Vĩnh Bảo
	Tổng	188,88	46,98	141,90		

- **Đất công trình năng lượng:** Đăng ký thực hiện 04 công trình diện tích 0,81ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất	
1	Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	0,08		0,08	MVB	Rạch Sỏi
2	Đường dây 220KV Rạch Giá 2-Kiên Bình mạch 2	0,54		0,54	LUC	Vĩnh Quang, Vĩnh Thông, Vĩnh Hiệp
3	Trạm 110KV Khu công nghiệp Thạnh Lộc và đường dẫn	0,13		0,13	LUC: 0,07 ha HNK: 0,06 ha	Vĩnh Hiệp
4	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	0,06		0,06	MVB	An Hòa
	Tổng	0,81		0,81		

- **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** Đăng ký thực hiện 04 công trình diện tích 1,31ha và 01 công trình giao đất 0,02 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất	
1	Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ	0,02		0,02	LUC	Vĩnh Hiệp
2	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	0,55		0,55	MNB	An Hòa
3	Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường	0,49		0,49	MNB	An Hòa
4	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1)	0,27	0,02	0,25	LUC: 0,15 ha DGT: 0,1 ha	Vĩnh Quang
5	Khu dân cư Chợ nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá	0,02	0,02	-	DTL	Vĩnh Quang
	Tổng	1,35	0,04	1,31		

- **Đất cơ sở thể dục - thể thao:** Đăng ký thực hiện 01 công trình diện tích 0,64 ha

STT	HẠNG MỤC	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		ĐỊA ĐIỂM (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	0,64	-	0,64	MVB	Rạch Sỏi

- **Đất cơ sở văn hóa:** Đăng ký thực hiện 05 công trình diện tích tăng thêm 2,01 ha

STT	HẠNG MỤC	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		ĐỊA ĐIỂM (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Ngọn	0,30	-	0,30	LUC	Phi Thông
2	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Vàm	0,17	-	0,17	LUC	Phi Thông
3	Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	3,50	2,90	0,60		Vĩnh Thanh
4	Quần thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia	0,65	-	0,65	MVB	An Hòa
5	Trung tâm văn hóa thể thao phường Rạch Sỏi	0,26		0,26	HNK	Rạch Sỏi
Tổng		4,91	2,9	2,01		

- **Đất xây dựng cơ sở y tế:** Đăng ký thực hiện 02 công trình với diện tích tăng thêm 1,09

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất	
1	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	0,40		0,40	MVB	An Hòa
2	Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	0,69	-	0,69	MVB	Rạch Sỏi
Tổng		1,09		1,09		

- **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** Đăng kí thực hiện 01 công trình với diện tích 5,31 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Mở rộng Nghĩa Trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang	5,31		5,31	LUC	Vĩnh Quang

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** Đăng ký thực hiện 03 công trình với diện tích 0,05 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Trụ sở Khu phố 7	0,02		0,02	HNK	Rạch Sỏi
2	Trụ sở Khu phố 3	0,01		0,01	CLN	An Bình
3	Trụ sở Khu phố 8	0,02		0,02	CLN	An Hòa
Tổng:		0,05		0,05		

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** Đăng ký thực hiện 12 công trình với diện tích 45,38 ha

STT	HẠNG MỤC	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		ĐỊA ĐIỂM (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (Giai đoạn 1)	1,04	-	1,04	LUC: 0,94 ha CLN: 0,03 ha DGT : 0,07 ha	Vĩnh Quang
2	Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ	0,65		0,65	LUC	Vĩnh Hiệp
3	Khu dân cư Chợ nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá	0,27	0,27	-	DKV	Vĩnh Quang
4	CVCD1 thuộc Khu 1 –Phú Cường	0,22		0,22	TMD	An Hòa
5	CVCD2 thuộc Khu 2 –Phú Cường	0,20		0,20	TMD	An Hòa
6	CVCD3 thuộc Khu 2 –Phú Cường	0,20		0,20	TMD	An Hòa
7	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	9,98		9,98	MVB	An Hòa
8	Khu đô thị Phú Quý_ Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	8,35		8,35	MVB	Rạch Sỏi
9	Khu 3 điều chỉnh – khu đô thị mới Phú Cường	2,23	1,52	0,71	MVB	An Hòa
10	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân)	0,19		0,19	SON, CLN, ODT	Vĩnh Bảo
11	Khu đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2)	15,70		15,70	MVB	Vĩnh Lạc
12	Cụm Công Viên Lạc Hồng	15,81	7,67	8,14	DKV	Vĩnh Bảo
Tổng		54,84	9,46	45,38		

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** Đăng ký thực hiện 01 công trình diện tích 0,15 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Mở rộng đình Nguyễn Trung Trực	0,65	0,50	0,15	ODT	Vĩnh Thanh

- **Đất trụ sở cơ quan:** Đăng ký thực hiện 06 công trình diện tích 29,26 ha và 04 công trình giao đất diện tích 0,90 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất	
1	Trụ sở làm việc chung các Hội	0,40	-	0,40	ODT	An Hòa
2	Trụ sở cục Hải quan tỉnh Kiên Giang và chi cục Hải Quan thành phố Rạch Giá	1,20		1,20	LUC	Vĩnh Hiệp
3	Tòa án tỉnh Kiên Giang	1,00		1,00	CLN, ODT	Vĩnh Quang
4	Cụm Công Viên Lạc Hồng	26,1		26,10	MVB	
5	Trụ sở UBND phường Vĩnh Thông (xây dựng mới)	0,35	0,35		TSC	Vĩnh Thông

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất	
6	Trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang	0,31	0,31	-	TSC	Vĩnh Quang
7	Viện Kiểm sát nhân dân TPRG	0,21	0,21		TSC	An Hòa
8	Thông Tấn xã Khu vực phía Nam	0,03	0,03		TSC	An Bình
9	BCH quân sự phường Rạch Sỏi	0,47		0,47	LUC	Rạch Sỏi
10	BCH quân sự phường Vĩnh Lợi	0,09		0,09	CLN	Vĩnh Lợi
	Tổng	30,16	0,90	29,26		

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** Đăng ký thực hiện 02 công trình diện tích 47,80 ha

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Mở rộng hồ chứa nước ngọt dự trữ thành phố Rạch Giá (giai đoạn 1)	25,00		25	LUC: 23,36	Vĩnh Thông
2	Mở rộng hồ chứa nước ngọt dự trữ thành phố Rạch Giá (giai đoạn 2)	22,80		22,8	LUC: 21,01	Vĩnh Thông

- **Công trình Đầu giá quyền sử dụng đất:** đăng ký thực hiện 13 công trình với diện tích 9,80 ha.

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Khu tái định cư Cầu Suối	ODT	0,35	0,35	-	ODT	Vĩnh Quang
2	Trụ sở làm việc phòng Quản lý đô thị thành phố (150 Nguyễn Hùng Sơn)	ODT	0,03	0,03	-	TSC	Vĩnh Thanh Vân
3	Tuyến dân cư đường Đê Biển (L1, L4 đến L12)	ODT+TMD	6,11	6,11		CSD	Vĩnh Quang
4	Khu đất UBND phường Vĩnh Quang quản lý (đường Quang Trung)	ODT	0,25	0,25		CLN	Vĩnh Quang
5	Công ty CP Classic Mode (Việt Nam)	ODT	0,48	0,48		SKC	An Hòa
6	Khu dân cư làng Cầu Vòng	ODT	0,56	0,56	-	ODT	Vĩnh Quang
7	Tuyến dân cư đường Đê Biển (L2, L3)	ODT+TMD	0,96	0,96	-	ODT	Vĩnh Quang
8	01 khu đất Công an tỉnh	ODT	0,09	0,09		CAN	Vĩnh Thanh Vân
9	04 khu đất Công an tỉnh	ODT	0,16	0,16		CAN	Vĩnh Thanh
10	Xí nghiệp Cơ khí 19 tháng 5 cũ	ODT	0,03	0,03	-	SKC	Vĩnh Lợi
11	Câu lạc bộ hưu trí (đường Nguyễn Trung Trực)	ODT	0,27	0,27		TSC	An Hòa
12	Đầu giá trường mẫu giáo Hoa Mai (điểm phụ)	ODT	0,03		0,03	DGD	Rạch Sỏi
13	Đầu giá Khu đất thu hồi Công ty cổ phần ĐTXD HUD Kiên Giang	ODT	0,48		0,48	SKC	Vĩnh Quang

- **Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân:** từ đất nông nghiệp lên đất ở đô thị là 39,83 ha, đất ở nông thôn là 5,00 ha.

STT	Phường, xã	Đất ở đô thị (ODT)	Đất ở nông thôn (ONT)
1	An Bình	5,00	
2	An Hòa	5,00	
3	Vĩnh Lợi	5,00	
4	Vĩnh Lạc	2,53	
5	Rạch Sỏi	5,00	
6	Vĩnh Hiệp	5,00	
7	Vĩnh Bảo	0,49	
8	Vĩnh Thanh Vân	0,51	
9	Vĩnh Thanh	1,30	
10	Vĩnh Quang	5,00	
11	Vĩnh Thông	5,00	
12	Phi Thông		5,00
Tổng		39,83	5,00

3.3 Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn thành phố Rạch Giá như sau:

Diện tích tự nhiên của toàn thành phố năm 2023 là **10.802,39** ha tăng 356,72 ha so với năm 2022 để thực hiện 07 dự án lấn biển: Cảng hành khách Rạch Giá, Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải), Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi, Quần thể quảng trường biển và khách sạn Phú Gia, Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường; Khu Đô thị Tây Bắc (giai đoạn 2) và Cụm công viên Lạc Hồng.

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	
	Tổng				356,72	
1	Cảng hành khách Rạch Giá	DGT	34,96	14,45	20,51	Vĩnh Thanh
					68,68	
2	Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải)	ODT	27,97	-	27,97	An Hòa
		TMD	3,21	-	3,21	An Hòa
		DKV	9,98	-	9,98	An Hòa
		DGT	24,37		24,37	An Hòa
		DYT	0,40		0,40	An Hòa
		DNL	0,06		0,06	An Hòa
		DRA	0,55		0,55	An Hòa
		DGD	2,14		2,14	An Hòa
					88,45	
3	Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi	ODT	36,81	-	36,81	Rạch Sỏi
		TMD	6,53		6,53	Rạch Sỏi

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	
		DKV	8,35		8,35	Rạch Sỏi
		DGD	1,81		1,81	Rạch Sỏi
		DYT	0,69	-	0,69	Rạch Sỏi
		DTT	0,64	-	0,64	Rạch Sỏi
		DNL	0,08		0,08	Rạch Sỏi
		DGT	33,54	-	33,54	Rạch Sỏi
					2,17	
4	Quản thẻ quảng trường biển và khách sạn Phú Gia	DGT	0,56	-	0,56	An Hòa
		DVH	0,65	-	0,65	An Hòa
		TMD	0,96	-	0,96	An Hòa
					2,27	
5	Khu 3 điều chỉnh - khu đô thị mới Phú Cường	DGT	4,86	4,11	0,75	An Hòa
		DKV	2,23	1,52	0,71	An Hòa
		DRA	0,49		0,49	An Hòa
		ODT	2,50	2,50	-	An Hòa
		TMD	1,47	1,15	0,32	An Hòa
6	Tây Bắc Rạch Giá (giai đoạn 2)		98,12	-	98,12	
		DGD	5,56		5,56	Vĩnh Quang
		DGT	28,81		28,81	Vĩnh Quang
		DHT	9,68		9,68	Vĩnh Quang
		DKV	15,70		15,70	Vĩnh Quang
		TMD	3,62		3,62	Vĩnh Quang
		ODT	34,75		34,75	Vĩnh Quang
7	Cụm Công Viên Lạc Hồng		92,00	15,48	76,52	
			70,56	13,16	57,40	
		DGT	11,60	3,34	8,26	Vĩnh Lạc
		TSC	26,10		26,10	Vĩnh Lạc
		DKV	12,60	5,36	7,24	Vĩnh Lạc
		ODT	17,93	2,13	15,80	Vĩnh Lạc
		TMD	2,32	2,32		Vĩnh Lạc
		DSH	0,01	0,01		Vĩnh Lạc
			21,44	2,32	19,12	
		ODT	16,50		16,50	Vĩnh Bảo
		DGT	1,73	0,01	1,72	Vĩnh Bảo
		DKV	3,21	2,31	0,90	Vĩnh Bảo

A. Đất nông nghiệp

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đất nông nghiệp có diện tích **6.895,37** ha, chiếm 63,83 % tổng diện tích tự nhiên, giảm 184,82 ha so với năm 2022, do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp, chu chuyển diện tích các loại đất được thể hiện trong từng chỉ tiêu sử dụng đất. Cụ thể từng chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng 2022	Diện tích năm 2023	Biến động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	7.080,19	6.895,37	-184,82
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.709,39	5.566,15	-143,25
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	5.709,39	5.566,15	-143,25
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	147,83	143,72	-4,11
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.197,86	1.152,45	-45,42
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	20,57	20,57	
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,54	12,49	7,95

- **Đất trồng cây lúa:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 5.566,15 ha, giảm 143,25 ha so với năm 2022, chuyển đổi trong nội bộ đất nông nghiệp 7,95 ha và chuyển sang đất phi nông nghiệp như: Đất thương mại dịch vụ 1,15 ha; Đất phát triển hạ tầng 20,39 ha; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 1,59 ha; Đất ở tại nông thôn 2,0 ha; Đất ở tại đô thị 64,13ha, Đất trụ sở cơ quan 1,67 ha và Đất có mặt nước chuyên dùng 44,37 ha .

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 143,72 ha, giảm 4,11 ha so với năm 2022 để chuyển sang đất phát triển hạ tầng 1,04 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,02 ha và đất ở đô thị 3,05 ha.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 1.152,45 ha, giảm 45,42 ha so với năm 2022 do chuyển sang đất phi nông nghiệp, cụ thể: Đất thương mại dịch vụ 0,91 ha; Đất phát triển hạ tầng 7,18 ha; Đất sinh hoạt cộng đồng 0,03 ha; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,05 ha; Đất ở tại nông thôn 3,0 ha; Đất ở tại đô thị 30,23 ha, Đất trụ sở cơ quan 0,59 ha và Đất có mặt nước chuyên dùng 3,43 ha .

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 20,57 ha, không biến động so với năm 2022.

- **Đất nông nghiệp khác:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 12,49 ha, tăng 7,95 ha so với năm 2022, chỉ tiêu đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng đất trang trại chăn nuôi và Sản xuất nông nghiệp theo mô hình Vườn - Ao - Chuồng kết hợp với du lịch sinh thái. Thực hiện 01 dự án giao đất là Trại giống và trụ sở làm việc Trung tâm NLN nghiệp KG.

B. Đất phi nông nghiệp

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đất phi nông nghiệp có diện tích **3.896,98** ha, chiếm 36,08% tổng diện tích tự nhiên, tăng thêm 547,65 ha so với năm 2022 để thực hiện 90 danh mục dự án công trình chuyển từ đất nông nghiệp và diện tích đất mặt nước ven biển sang, chu chuyển diện tích các loại đất được thể hiện trong từng chỉ tiêu sử dụng đất. Cụ thể từng chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất phi nông nghiệp như sau:

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng 2022	Diện tích năm 2023	Biến động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	3.349,33	3.896,98	547,65
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	17,31	17,31	

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng 2022	Diện tích năm 2023	Biến động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
2.2	Đất an ninh	CAN	26,87	26,62	-0,25
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	45,77	62,08	16,31
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	38,21	37,57	-0,64
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.210,21	1.385,57	175,36
	<i>Trong đó: đất dự trữ hạ tầng</i>			9,68	9,68
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>837,65</i>	<i>979,13</i>	<i>141,48</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>185,35</i>	<i>183,69</i>	<i>-1,66</i>
-	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>18,13</i>	<i>20,14</i>	<i>2,01</i>
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>22,54</i>	<i>23,63</i>	<i>1,09</i>
-	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>75,90</i>	<i>90,38</i>	<i>14,48</i>
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>15,86</i>	<i>16,50</i>	<i>0,64</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>1,52</i>	<i>2,33</i>	<i>0,81</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,73</i>	<i>1,73</i>	
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>0,25</i>	<i>0,25</i>	
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>0,11</i>	<i>1,42</i>	<i>1,31</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>20,48</i>	<i>20,44</i>	<i>-0,04</i>
-	<i>Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>20,63</i>	<i>25,75</i>	<i>5,12</i>
-	<i>Đất cơ sở nghiên cứu khoa học</i>	<i>DKH</i>	<i>0,07</i>	<i>0,07</i>	
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>10,00</i>	<i>10,44</i>	<i>0,44</i>
2.6	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,28	1,33	0,05
2.7	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	101,38	146,12	44,74
2.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	111,70	116,70	5,00
2.9	Đất ở tại đô thị	ODT	1.300,43	1.531,66	231,23
2.10	Đất trụ sở cơ quan	TSC	20,45	49,68	29,23
2.11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	9,67	9,67	
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	6,17	6,32	0,15
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	444,66	443,83	-0,83
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	12,72	60,02	47,30
2.16	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,51	2,51	

- **Đất quốc phòng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 17,31 ha sử dụng ổn định so với năm 2022.

- **Đất an ninh:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 26,62 ha, giảm 0,25 ha do đấu giá 04 khu đất công an tại phường Vĩnh Thanh chuyển sang đất ở đô thị. Ngoài ra thực hiện 02 dự án giao đất là Công an tỉnh Kiên Giang 8,46 ha - phường An Hòa và Đội Phòng cháy chữa cháy 0,87 ha - phường Vĩnh Quang.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 62,08 ha, tăng 16,31 ha (trong đó tăng từ các dự án lấn biển là 14,64 ha) so với năm 2022. Diện tích đất thương mại dịch vụ tăng do thực hiện các dự án trung tâm thương mại trong các khu dân cư, các dự án lấn biển... Cụ thể:

+ Diện tích tăng 17,32 ha từ đất trồng lúa 1,15 ha, đất trồng cây lâu năm 0,91 ha, đất công viên cây xanh 0,62 ha, và đất mặt nước ven biển 14,64 ha.

+ Diện tích giảm: 1,01 ha do chuyển sang công viên cây xanh 0,62 ha và đất ở đô thị 0,39 ha.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 36,88 ha, giảm 1,33 ha so với năm 2022. Diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông 0,13 ha và đất ở đô thị 1,20 ha.

- **Đất phát triển hạ tầng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 1.385,57 ha, tăng 175,36 ha so với năm 2022. Đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn thành phố. Cụ thể:

+ *Đất giao thông:* Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 979,13 ha, tăng 141,48 ha so với năm 2022 để thực hiện 28 công trình như: đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành), Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Lê Hồng Phong- Phan Thị Ràng), Đường Trần Văn Giàu (đoạn khu dân cư Nam An Hòa- Phan Thị Ràng), Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (đường), Đường cấp kênh Tư Non, Đường Tú Xương, Đường Trần Mai Ninh, Đường Võ Trường Toản, Mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm, đường Huỳnh Mẫn Đạt, Cầu Giải phóng 9 (Cầu bắc qua kênh Rạch Giá - Hà Tiên)... và hệ thống đường giao thông trong các khu dân cư, khu đô thị và các dự án lấn biển.

- Diện tích tăng: 141,90 ha từ đất trồng lúa 8,76 ha, đất trồng cây hàng năm 0,72 ha, đất trồng cây lâu năm 6,06 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,13 ha, đất phát triển hạ tầng 2,24 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,02 ha, đất ở đô thị 4,71 ha, đất sông suối 0,74 ha và đất mặt nước ven biển 118,52 ha chuyển sang.
- Diện tích giảm: 0,42 ha do chuyển sang đất hạ tầng 0,2 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,07 ha và đất ở đô thị 0,15 ha.

+ *Đất thủy lợi:* Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 183,69 ha, giảm 1,66 ha so với năm 2022.

- Diện tích tăng: 0,25 ha từ đất trồng lúa 0,15 ha và đất giao thông 0,1 ha chuyển sang.
- Diện tích giảm: 1,91 ha do chuyển sang đất giao thông 1,32 ha, đất cơ sở giáo dục đào tạo 0,01 ha và đất ở đô thị 0,58 ha.

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa:* Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 20,14 ha, tăng 2,01 ha so với năm 2022 để thực hiện các dự án: Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Ngọn, Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Vàm, Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Trung tâm văn hóa thể thao phường Rạch Sỏi và dự án đất cơ sở văn hóa từ dự án lấn biển. Diện tích tăng từ đất trồng lúa 0,50 ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,26 ha, đất trồng cây lâu năm 0,40 ha, đất ở đô thị 0,2 ha và đất mặt nước ven biển 0,65 ha.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế:* Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 23,63 ha tăng 1,09 ha so với năm 2022. Diện tích tăng từ 02 dự án lấn biển Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải) và Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 90,38 ha, tăng 14,48 ha so với năm 2022 để thực hiện 06 công trình như: Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Trường Phát, Trường Mầm non Hoa Sen, Trường tiểu học Nguyễn Huệ (mở rộng) và 03 dự án trong khu dân cư, khu đô thị lấn biển. Ngoài ra thực hiện giao đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02 dự án: Trường Mẫu giáo Hướng Dương- Khu tái định cư An Hòa, Trường Mẫu giáo Bình Minh- Khu tái định cư Vĩnh Quang.

- Diện tích tăng: 15,14 ha từ đất trồng lúa 4,89 ha, đất trồng cây lâu năm 0,72 ha, đất thủy lợi 0,01 ha, đất ở đô thị 0,02 ha và đất mặt nước ven biển 9,51 ha.
- Diện tích giảm: 0,66 ha do chuyển sang đất giao thông 0,63 ha và đất ở đô thị 0,03 ha.

+ *Đất cơ sở thể dục - thể thao*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 16,50 ha, tăng 0,64 ha so với năm 2022. Diện tích tăng để thực hiện trung tâm thể thao từ dự án lấn biển Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi.

+ *Đất công trình năng lượng*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 2,33 ha, tăng 0,81 ha so với năm 2022 để thực hiện Đường dây 220KV Rạch Giá 2-Kiên Bình mạch 2, Trạm 110KV Khu công nghiệp Thạnh Lộc và đường dẫn và đất năng lượng từ dự án lấn biển Khu đô thị Phú Cường Hoàng Gia (Khu lấn biển Trần Quang Khải), Khu đô thị Phú Quý_Lấn biển Tây Nam Rạch Sỏi. Diện tích tăng từ đất trồng lúa 0,61 ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,06 ha và đất mặt nước ven biển 0,14 ha chuyển sang.

+ *Đất công trình bưu chính, viễn thông*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 1,73 ha, sử dụng ổn định so với năm 2022.

+ *Đất có di tích lịch sử - văn hóa*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 0,25 ha, sử dụng ổn định so với năm 2022.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 1,42 ha, tăng 1,31 ha so với năm 2022 để xây dựng các khu xử lý nước thải trong các dự án lấn biển và các dự án khu dân cư. Diện tích tăng từ đất trồng lúa 0,17 ha, đất giao thông 0,1 ha và đất mặt nước ven biển 1,04 ha chuyển sang

+ *Đất cơ sở tôn giáo*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 20,44 ha, giảm 0,04 ha so với năm 2022 do chuyển sang đất giao thông dự án Cầu Giải phóng 9.

+ *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 25,75 ha, tăng 5,12 ha so với năm 2022 để thực hiện dự án mở rộng nghĩa trang liệt sĩ.

- Diện tích tăng: 5,31 ha từ đất trồng lúa chuyển sang.
- Diện tích giảm: 0,19 ha do chuyển sang đất giao thông.

+ *Đất chợ*: Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 10,44 ha, tăng 0,44 so với năm 2022 để thực hiện dự án chợ An Hòa.

- Diện tích tăng: 0,50 ha từ đất sông suối chuyển sang.
- Diện tích giảm: 0,06 ha do chuyển sang đất giao thông.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng**: Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 1,33ha, tăng 0,05 ha so với năm 2022. Diện tích tăng để thực hiện xây dựng các trụ

sở khu phố như: Khu phố 3-phường An Bình, Khu phố 8-phường An Hoa và Khu phố 7- phường Rạch Sỏi. Diện tích tăng từ đất trồng cây hàng năm khác 0,02 ha và đất trồng cây lâu năm 0,03 ha chuyển sang.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 146,12 ha, tăng 44,74 so với năm 2022 để thực hiện Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền, các công viên cây xanh trong các dự án khu dân cư, khu đô thị trên toàn địa bàn thành phố.

- Diện tích tăng 45,38 ha từ đất trồng lúa 1,59 ha, đất trồng cây lâu năm 0,05 ha, đất thương mại dịch vụ 0,62 ha, đất giao thông 0,07 ha, đất ở đô thị 0,08 ha, đất sông suối 0,09 ha và đất mặt nước ven biển 42,88 ha.
- Diện tích giảm 0,64 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,62 ha và đất giao thông 0,02 ha.

- **Đất ở tại nông thôn:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 116,70 ha, tăng 5,00 ha so với năm 2022 để thực hiện chuyển mục đích cho hộ gia đình, cá nhân. Diện tích tăng từ đất trồng lúa 2,0 ha và đất trồng cây lâu năm 3,0 ha chuyển sang.

- **Đất ở tại đô thị:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 1.531,66 ha, tăng 231,23 ha so với năm 2022 để thực hiện các công trình dự án khu dân cư, khu đô thị, các dự án lấn biển và chuyển mục đích từ hộ gia đình cá nhân.

+ Diện tích tăng: 237,29 ha từ đất trồng lúa 64,13 ha, đất trồng cây lâu năm 30,23 ha, đất trồng cây hàng năm 3,05 ha, đất an ninh 0,25 ha, đất thương mại dịch vụ 0,39 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,51 ha, đất hạ tầng 0,76 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,03 ha, đất chưa sử dụng 6,11 ha và đất mặt nước ven biển 131,83 ha

+ Diện tích giảm 6,06 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng 4,93 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,08 ha, đất trụ sở cơ quan 0,90 ha và đất cơ sở tín ngưỡng 0,15 ha.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 49,68 ha, tăng 29,23 ha so với năm 2022.

+ Diện tích tăng: 29,26 ha từ đất trồng lúa 1,67 ha, đất trồng cây lâu năm 0,59 ha, đất ở đô thị 0,9 ha và đất mặt nước ven biển 26,10 ha chuyển sang.

+ Diện tích giảm: 0,03 ha do chuyển sang đất ở đô thị.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 9,67 ha, sử dụng ổn định so với năm 2022.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 6,32 ha, tăng 0,15 ha so với năm 2022 để thực hiện mở rộng đình Nguyễn Trung Trực phường Vĩnh Thanh. Diện tích tăng từ đất ở đô thị chuyển sang.

- **Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 443,83 ha, giảm 0,83 ha so với năm 2022. Diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông 0,74 ha và đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,09 ha.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 60,02 ha, tăng 47,30 ha so với năm 2022 để thực hiện Mở rộng hồ chứa nước ngọt dự trữ thành phố Rạch Giá.

+ Diện tích tăng: 47,80 ha từ đất trồng lúa 44,37 ha và đất trồng cây lâu năm 3,43 ha chuyển sang.

+ Diện tích giảm: 0,50 ha chuyển sang đất chợ.

- **Đất phi nông nghiệp khác:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích là 2,51 ha, sử dụng ổn định so với năm 2022.

C. Đất chưa sử dụng

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 diện tích là 10,04 ha chiếm 0,09% diện tích tự nhiên thành phố, giảm 6,11 ha do chuyển sang đất ở đô thị.

3.4 Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Để thực hiện phương án kế hoạch sử dụng đất trong năm 2023, tổng diện tích đất nông nghiệp cần chuyển mục đích sử dụng đất sang phi nông nghiệp của thành phố là 184,83 ha. Cụ thể:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 135,30 ha;
- Đất hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 4,11 ha;
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 45,42 ha.

Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở là 1,94 ha. Cụ thể:

- Đất an ninh 0,25 ha;
- Đất thương mại dịch vụ 0,39 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,51 ha;
- Đất phát triển hạ tầng 0,76 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,03 ha chuyển sang.

Bảng 1. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong năm 2023

Đơn vị: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				An Bình	An Hòa	Rạch Sỏi	Vĩnh Lợi	Vĩnh Lạc	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Bảo	Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh Vân	Vĩnh Quang	Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+ ..+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	184,83	5,01	15,35	6,75	5,09	2,53	21,43	0,51	1,74	0,51	62,83	57,56	5,50
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	135,30	2,47	7,58	3,47	3,00	-	17,40	-	-	-	46,75	52,13	2,50
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>135,30</i>	<i>2,47</i>	<i>7,58</i>	<i>3,47</i>	<i>3,00</i>	<i>-</i>	<i>17,40</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>46,75</i>	<i>52,13</i>	<i>2,50</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	4,11	-	0,15	0,28	-	0,03	1,09	0,01	0,13	-	2,42	-	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	45,42	2,54	7,63	3,00	2,09	2,50	2,94	0,50	1,61	0,51	13,66	5,43	3,00
2	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,94		0,45	0,03	0,03				0,16	0,12	1,15		

3.5 Diện tích đất cần thu hồi

Để thực hiện phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2022, tổng diện tích đất cần thu hồi đất là **42,27** ha. Cụ thể như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi đất là **32,54** ha, trong đó: đất trồng lúa 18,75 ha, đất hàng năm khác 0,78 ha và đất trồng cây lâu năm là 13,01 ha.

- Diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi đất là **9,73** ha, trong đó: đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,13 ha, đất hạ tầng 2,47 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,02 ha, đất ở đô thị 5,78 ha và đất sông suối là 1,33 ha.

Bảng 2. Diện tích đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Đơn vị: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Năm 2023	Phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				An Bình	An Hòa	Rạch Sỏi	Vĩnh Lợi	Vĩnh Lạc	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Bảo	Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh Vân	Vĩnh Quang	Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
			42,27	-	11,61	1,06	-	0,13	1,46	0,19	2,61	-	24,42	0,29	0,50
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	32,54	-	9,98	1,00	-	-	1,39	0,02	0,44	-	19,21	-	0,50
1.1	Đất trồng lúa	LUA	18,75	-	4,70	-	-	-	1,27	-	-	-	12,28	-	0,50
	Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước	LUC	18,75		4,70				1,27				12,28		0,5
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,78		0,15				0,12				0,51		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	13,01		5,13	1,00				0,02	0,44		6,42		
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	9,73	-	1,63	0,06	-	0,13	0,07	0,17	2,17	-	5,21	0,29	-
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,13								0,13				
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2,47	-	0,63	-	-	-	-	-	0,11	-	1,73	-	-
-	Đất giao thông	DGT	0,01								0,01				
-	Đất thủy lợi	DTL	1,54										1,54		
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	0,63		0,63										
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,04								0,04				

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Năm 2023	Phân theo đơn vị hành chính (ha)											
				An Bình	An Hòa	Rạch Sỏi	Vĩnh Lợi	Vĩnh Lạc	Vĩnh Hiệp	Vĩnh Bảo	Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh Vân	Vĩnh Quang	Vĩnh Thông	Xã Phi Thông
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,19										0,19		
-	Đất chợ	DCH	0,06								0,06				
2.3	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,02										0,02		
2.4	Đất ở tại đô thị	ODT	5,78		0,50	0,06		0,13		0,08	1,41		3,46	0,14	
2.5	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,33		0,50				0,07	0,09	0,52			0,15	

3.6 Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trên địa bàn thành phố Rạch Giá là 6,11 ha.

3.7 Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

a) Các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	DGT	16,45	15,45	1,00	CLN	Rạch Sỏi
2	Chợ An Hoà – Khu 3 Phú Cường		1,51	0,71	0,80		An Hòa
		DCH	0,76	0,26	0,50	MNC	An Hòa
		DGT	0,51	0,35	0,16	CLN	An Hòa
		ODT	0,24	0,10	0,14	CLN	An Hòa
3	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thương mại Rạch Sỏi	DGT	0,13	0,07	0,06	ODT	Rạch Sỏi
4	Dự án ĐTXD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất (đoạn Rạch Giá)	DGT	0,36		0,36	LUC:0,32 CLN: 0,04	Vĩnh Quang
5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Lê Hồng Phong- Phan Thị Ràng)	DGT	1,75	1,00	0,75	CLN	An Hòa
6	Đường Trần Văn Giàu (đoạn khu dân cư Nam An Hòa- Phan Thị Ràng)	DGT	1,63	0,70	0,93	CLN:0,05 ODT: 0,1 HNK: 0,15 DGD: 0,63	An Hòa
7	Mở rộng đường Đông Hồ (đoạn Lê Thị Hồng Gấm – Phạm Ngọc Thạch)	DGT	0,31	0,07	0,24	ODT	Vĩnh Thanh
8	Mở rộng đường Võ Trường Toản (đoạn Lý Thường Kiệt – Nguyễn Bình Khiêm)	DGT	0,76	0,15	0,61	ODT	Vĩnh Thanh
9	Mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm	DGT	0,89	-	0,89	ODT	Vĩnh Quang
10	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (đường)	DGT	5,21		5,21	LUC: 2,51 CLN:2,51 DTL: 0,19	Vĩnh Quang
11	Đường cấp kênh Tư Non	DGT	0,44	0,17	0,27	DTL: 0,11 ODT: 0,06 CLN: 0,1	Vĩnh Quang
12	Đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	DGT	0,71	0,12	0,59	ODT: 0,46 CLN: 0,13	Vĩnh Quang

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
13	Đường Võ Trường Toản (đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Nguyễn Thái Bình)	DGT	7,33	3,02	4,31	LUC: 0,07, DTL: 0,82 CLN: 1,02 ODT : 1,8 HNK: 0,51 NTD: 0,09	Vĩnh Quang
14	Đường Tú Xương (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	DGT	0,85	0,56	0,29	NTD: 0,1 CLN: 0,13 DKV: 0,02 DTL: 0,04	Vĩnh Quang
15	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Âu Cơ đến đường Lạc Hồng)	DGT	0,16	0,11	0,05	ODT	Vĩnh Lạc
16	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Lạc Long Quân đến đường Nguyễn An Ninh)	DGT	0,2	0,12	0,08	ODT	Vĩnh Lạc
17	Đường Đông Hồ (đoạn đầu nối ra đường Trần Phú)	DGT	0,1	0,05	0,05	ODT	Vĩnh Thanh
			1,72	0,34	1,38		
18	Cầu Giải phóng 9 (Cầu bắc qua kênh rạch Giá-Hà Tiên)	DGT	1,23	0,27	0,96	DCH: 0,06 ODT: 0,17 CLN: 0,04 SKC: 0,13 TON: 0,04 SON: 0,52	Vĩnh Thanh
		DGT	0,19	0,06	0,13	HNK: 0,06 SON: 0,07	Vĩnh Hiệp
		DGT	0,3	0,01	0,29	ODT: 0,14 SON: 0,15	Vĩnh Thông
19	Đường dây 220KV Rạch Giá 2-Kiên Bình mạch 2	DNL	0,16		0,16	LUC	Vĩnh Quang
20	Trạm 110KV Khu công nghiệp Thạnh Lộc và đường dẫn	DNL	0,13		0,13	LUC: 0,07 HNK: 0,06	Vĩnh Hiệp
21	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Ngọn	DVH	0,30	-	0,30	LUC	Phi Thông
22	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Vàm	DVH	0,20	-	0,20	LUC	Phi Thông
23	Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	DVH	3,50	2,90	0,60	ODT:0,2 CLN: 0,4 ha	Vĩnh Thanh
24	Tuyến dân cư hai bên đường số 02 (khu dân cư)	ODT	6,03		6,03	LUC: 4,34 CLN: 1,4 DTL: 0,38	Vĩnh Quang
25	Khu tái định cư chợ Nam An Hòa (thuộc Khu đô thị Phú Cường)	ODT	1,49	0,6	0,89	CLN	An Hòa
26	Khu dân cư Nam An Hoà (Giai đoạn 2)	ODT	7,84		7,84	LUC: 4,7; CLN: 3,14	An Hòa
27	Mở rộng đình Nguyễn Trung Trực	TIN	0,65	0,50	0,15	ODT	Vĩnh Thanh

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
28	Trụ sở làm việc chung các Hội	TSC	0,40	-	0,40	ODT	An Hòa
29	Trụ sở cục Hải quan tỉnh Kiên Giang và chi cục Hải Quan thành phố Rạch Giá	TSC	1,20		1,2	LUC	Vĩnh Hiệp
30	Tòa án tỉnh Kiên Giang	TSC	1,00		1,00	CLN, ODT	Vĩnh Quang
31	Mở rộng Nghĩa Trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang	NTD	5,31		5,31	LUC	Vĩnh Quang
32	Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân)	DKV	0,19		0,19	SON: 0,09 ODT: 0,08 CLN: 0,02	Vĩnh Bảo

b) Các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 Luật Đất đai để mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Đường cấp kênh Tư Non	DGT	0,44	0,17	0,27	DTL: 0,11 ODT: 0,06 CLN: 0,1	Vĩnh Quang
2	Đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	DGT	0,71	0,12	0,59	ODT: 0,46 CLN: 0,13	Vĩnh Quang
3	Đường Võ Trường Toản (đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Nguyễn Thái Bình)	DGT	7,33	3,02	4,31	LUC: 0,07, DTL: 0,82 CLN: 1,02 ODT: 1,8 HNK: 0,51 NTD: 0,09	Vĩnh Quang
4	Đường Tú Xương (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	DGT	0,85	0,56	0,29	NTD: 0,1 CLN: 0,1 DKV: 0,02 DTL: 0,04	Vĩnh Quang
5	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Âu Cơ đến đường Lạc Hồng)	DGT	0,16	0,11	0,05	ODT	Vĩnh Lạc
6	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ đường Lạc Long Quân đến đường Nguyễn An Ninh)	DGT	0,2	0,12	0,08	ODT	Vĩnh Lạc
7	Đường Đông Hồ (đoạn đầu nối ra đường Trần Phú)	DGT	0,1	0,05	0,05	ODT	Vĩnh Thanh
8	Cầu Giải phóng 9 (Cầu bắc qua kênh rạch Giá-Hà Tiên)	DGT	1,23	0,27	0,96	DCH: 0,06 ODT: 0,17 CLN: 0,04 SKC: 0,13 TON: 0,04 SON: 0,52	Vĩnh Thanh
		DGT	0,19	0,06	0,13	HNK: 0,06 SON: 0,07	Vĩnh Hiệp

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
		DGT	0,3	0,01	0,29	ODT: 0,14 SON: 0,15	Vĩnh Thông
9	Trạm 110KV Khu công nghiệp Thạnh Lộc và đường dẫn	DNL	0,13		0,13	LUC: 0,07 HNK: 0,06	Vĩnh Hiệp

c) Các công trình dự án sử dụng đất vào mục đích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng lân cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp phường/xã)
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	Khu tái định cư Cầu Suối	ODT	0,35	0,35	-	ODT	Vĩnh Quang
2	Tuyến dân cư đường Đê Biển (L1, L4 đến L12)	ODT+TMD	6,11	6,11		CSD	Vĩnh Quang
3	Khu dân cư làng Cầu Vòng	ODT	0,56	0,56	-	ODT	Vĩnh Quang
4	Tuyến dân cư đường Đê Biển (L2, L3)	ODT+TMD	0,96	0,96	-	ODT	Vĩnh Quang

➤ **Tổng hợp danh mục công trình dự án thực hiện trong năm 2023**

(Kèm theo Biểu 10-CH)

3.8 Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

* Đối với các khoản thu: Bao gồm thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

* Đối với các khoản chi: Bao gồm chi cho việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Chi hỗ trợ 3,0 lần khi thu hồi đất nông nghiệp.

Bảng 3. Dự kiến khoản thu, chi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá bình quân	Thành tiền
		(ha)	đồng/m ²)	
I	Các khoản thu			5.681.908.350.000
-	Thu tiền khi chuyển mục đích sang đất ở đô thị	105,28	5.000.000	5.263.908.350.000
-	Thu tiền khi chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	5,00	3.000.000	150.000.000.000
-	Thu tiền khi chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ	2,48	5.000.000	124.000.000.000
-	Thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất	0,96	15.000.000	144.000.000.000
II	Các khoản chi			1.879.600.000.000
-	Chi bồi thường đất ở tại đô thị	5,78	10.000.000	578.000.000.000

STT	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá bình quân	Thành tiền
		(ha)	đồng/m2)	
-	Chi bồi thường đất cây lâu năm	13,01	1.000.000	130.100.000.000
-	Chi bồi thường đất cây hàng năm khác	0,78	1.000.000	7.800.000.000
-	Chi bồi thường đất trồng lúa	18,75	1.000.000	187.500.000.000
-	Hỗ trợ 3,0 lần đất nông nghiệp	97,62	1.000.000	976.200.000.000
III	Cân đối thu - chi (I - II)			3.802.308.350.000

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Giữ ổn định diện tích đất trồng cây hàng năm khác theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt nhằm đảm bảo vấn đề về an ninh lương thực; Đồng thời vận dụng các chính sách hỗ trợ đất trồng cây hàng năm khác của Chính phủ để hỗ trợ người sản xuất theo tinh thần Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý và sử dụng đất trồng cây hàng năm khác. Nghiêm cấm việc chuyển đổi đất trồng cây hàng năm khác sang các mục đích khác ngoài quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và ngoài các quy định hiện hành về sử dụng đất trồng cây hàng năm khác.

- Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp; thực hiện xây dựng cánh đồng mẫu lớn, đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu lúa gạo. Hình thành, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và tổ chức thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ người sản xuất đã được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 62/2013/QĐTTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn. Song song với quá trình sử dụng đất, chú trọng bảo vệ, cải tạo môi trường đất, nước và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực gây ô nhiễm môi trường, gây lây lan dịch bệnh, sử dụng cạn kiệt tài nguyên,... nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

- Khuyến khích áp dụng các kỹ thuật công nghệ phù hợp với phát triển mạnh ưu thế về đa dạng sinh học trong sản xuất nông nghiệp. Hạn chế việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu; đồng thời tuyên truyền, vận động sử dụng các loại phân bón hữu cơ trong sản xuất nông nghiệp. Giảm thiểu hiện tượng nhiễm mặn thông qua chính sách quản lý và bảo vệ lưu vực sông.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đất nói riêng và môi trường nói chung trên địa bàn thành phố; di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xen cài trong khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp tập trung. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xử lý nước thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh, các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn thành phố nhằm ngăn ngừa, hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Thu hút đầu tư có chọn lọc và kiên quyết không cấp giấy phép cho các nhà đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

- Để cải tạo, nâng cao năng suất đất trồng cây hàng năm khác (nhằm bù đắp lại phần diện tích đất trồng cây hàng năm khác mất đi để thực hiện các công trình, dự án trong kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất) cần áp dụng các giải pháp sau:

+ Quy hoạch, phát triển các cơ sở và diện tích sản xuất lúa giống; tiếp tục thử nghiệm các giống lúa có năng suất cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng tại địa phương.

+ Tăng cường công tác khuyến nông, thực hiện chuyển giao các biện pháp công nghệ, kỹ thuật tiên tiến; xây dựng quy trình tiêu chuẩn hóa và tổ chức phổ biến, truyền đạt kỹ thuật canh tác, tiến đến xây dựng một số vùng lúa đạt tiêu chuẩn Viet GAP.

+ Hỗ trợ, khuyến khích nông dân thực hiện chính sách dồn điền, đổi thửa nhằm xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung với quy mô lớn.

+ Cần đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn, đặc biệt là quy hoạch xây dựng hệ thống kênh mương thủy lợi, giao thông nội đồng.

+ Cần có giải pháp hỗ trợ người nông dân trong khâu tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận được với các nguồn vốn vay ở địa phương thông qua các dự án tín dụng.

+ Cải tiến công nghệ thu hoạch nhằm giảm bớt mức thiệt hại ở khâu thu hoạch, cơ giới hóa trong quá trình thu hoạch lúa để rút ngắn thời gian thu hoạch, tránh thiệt hại do thiên tai gây ra và chuẩn bị kịp thời cho vụ tiếp theo.

4.2 Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án, khắc phục tình trạng “quy hoạch treo”. Ưu tiên phân bổ nguồn vốn đối với các dự án đã được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Đầu tư trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư phát triển nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện.

- Thẩm định, đánh giá đúng các đối tượng sử dụng đất, đặc biệt là các đối tượng thuê đất; công khai thông tin các dự án đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án để người dân có thể kiểm tra giám sát; tiếp tục rà soát tăng cường quản lý về đất đai đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất để tránh thất thu và gia tăng nguồn thu ngân sách.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến việc sử dụng đất; huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư của nước ngoài, vận động nguồn vốn nhân dân. Tạo môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi nhằm thu hút các nhà đầu tư từ bên ngoài và huy động các nguồn lực trong tỉnh. Phát triển dịch vụ tư vấn pháp lý để nâng cao năng lực hội nhập của doanh nghiệp. Tiếp tục tạo mọi điều kiện thu hút, mời gọi các nhà đầu tư có đủ năng lực tham gia đầu tư, xây dựng các dự

án mang tính đột phá, cấp thiết nhằm thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Chú trọng việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên môi trường. Thường xuyên mở các lớp tập huấn, đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai cấp huyện, cán bộ địa chính phường xã để đáp ứng yêu cầu về đổi mới ngành. Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp.

4.3 Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Đề kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Rạch Giá trong năm 2023. Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất cần chú ý thực hiện các giải pháp như sau.

4.3.1 Giải pháp về tuyên truyền

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá chỉ đạo các phòng ban, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các phường xã tổ chức công bố công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân các phường xã; đồng thời thực hiện tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc tại các buổi sinh hoạt chuyên đề, buổi họp khu phố để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

- Tiếp tục tuyên truyền các quy định mới theo Luật Đất đai năm 2013 về công tác quy hoạch, kế hoạch về quyền lợi, trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức và hộ gia đình, cá nhân trong sử dụng đất đai để tránh tình trạng quy hoạch treo, chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tự nguyện hiến đất nhằm xây dựng các dự án hạ tầng cơ sở - hạ tầng xã hội, phục vụ lợi ích chung của địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; chủ động nguồn vốn, nguồn lực sẵn có của địa phương.

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt tuyên truyền khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình cá nhân có nhu cầu đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất như đất thương mại dịch vụ, đất ở đô thị, đất ở nông thôn nhanh chóng làm thủ tục pháp lý chuyển mục đích đúng với mục đích sử dụng đất trong kế hoạch được duyệt.

4.3.2 Giải pháp về chính sách

- Thực hiện những chính sách ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nghề đối với những hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, để đảm bảo nhu cầu an sinh xã hội.

- Công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng cần phải được thực hiện công khai, đúng trình tự theo quy định pháp luật, xác định đúng nguồn gốc chủ sử dụng, kiểm đếm chính xác, chi trả đúng đối tượng và đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời cần có những giải pháp, chính sách hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi như:

+ Khi thu hồi đất phải đảm bảo quỹ đất để phục vụ tái định cư, tạm cư cho người dân có đất bị thu hồi (khu tái định cư, tạm cư phải được xây dựng phù hợp với tập quán định cư; phải xây dựng nhiều mức nhà, mức đất để người dân có quyền lựa chọn).

+ Cần có giải pháp hỗ trợ nông dân tận dụng quỹ đất nông nghiệp còn lại chuyển sang phát triển nông nghiệp đạt hiệu quả cao, áp dụng tiến bộ khoa học tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích. Quy hoạch khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung, đẩy mạnh công tác dồn điền, đổi thửa.

+ Hướng dẫn, đào tạo cho nông dân chuyển đổi hình thức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, mang lại thu nhập cao từ nông nghiệp. Tăng cường đào tạo, hướng nghiệp, nhất là đào tạo nghề tại chỗ; đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người nông dân mất đất sản xuất sang các ngành nghề phi nông nghiệp như: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn.

- Đối với những dự án có tính đặc thù riêng, đang vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường (mà chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không có hoặc chưa có quy định cụ thể) thì phải xin ý kiến Hội đồng thẩm định bồi thường cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để tháo gỡ, nhằm giảm bớt việc khiếu nại, khiếu kiện của người dân, đồng thời đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

4.3.3 Các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện

4.3.3.1. Giải pháp chung về tổ chức, quản lý

- Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá trực tiếp chỉ đạo các ban, ngành và Ủy ban nhân dân các phường xã trên địa bàn tổ chức công bố công khai và đồng thời chỉ đạo thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thực hiện thu hồi, hủy bỏ các dự án chậm triển khai, không khả thi hoặc vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt; linh hoạt trong việc xúc tiến kêu gọi đầu tư tạo nguồn kinh phí để thực hiện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm, đồng thời phát hiện và kiến nghị điều chỉnh những bất hợp lý trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm sử dụng đất đai hợp lý, có hiệu quả. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm, không thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quan tâm sớm bố trí vốn để các dự án sớm được thực hiện. Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi chặt chẽ, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, để các dự án sớm được triển khai thực hiện và đảm bảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tiếp tục cải cách các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất phải đơn giản hóa, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất; tạo mọi điều kiện thuận lợi nhằm thu hút, mời gọi các nhà đầu tư có kinh nghiệm, năng lực về tài chính và đáp ứng đủ các điều kiện để thực hiện các dự án về hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi xã hội theo phương thức xây dựng - chuyển giao, xã hội hóa như: xây dựng trường học, bệnh viện, đường giao thông, chỉnh trang phát triển đô thị,...

- Nâng cao vai trò trách nhiệm của chủ đầu tư trong quản lý thực hiện các công trình dự án; chủ động phối hợp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn; các chủ đầu tư cần phối hợp chặt chẽ với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện đo đạc, kiểm kê tài sản, cây cối, hoa màu trên đất,... đồng thời, phải ứng vốn kịp thời để chi trả các đối tượng bị thu hồi đất.

4.3.3.2. Trách nhiệm của UBND thành phố, các phòng, ban, địa phương trong tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

- Định kỳ hàng năm Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ cho chương trình kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai, giám sát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo luật định. Công khai quy hoạch, kế hoạch và chỉ đạo các phường xã xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

- Các phường xã căn cứ vào kế hoạch của thành phố để triển khai kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn theo định hướng và các chỉ tiêu phân khai đã được xác định trong kế hoạch của huyện.

- Các ngành bám sát phân bổ chỉ tiêu quy hoạch đất sử dụng của ngành mình để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới phải xin chủ trương của UBND tỉnh, thành phố và phối hợp với Sở, phòng Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục điều chỉnh theo quy định.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch và Chi cục Thuế theo dõi và tổ chức thực hiện các khoản thu từ đất theo quy định của pháp luật.

- Phòng Quản lý đô thị triển khai các quy hoạch thuộc phạm vi mình phụ trách.

- Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng tổ chức xây dựng dự án khả thi và tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng các công trình, dự án theo tiến độ của phòng Kinh tế, phòng quản lý đô thị và phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với phòng Nội vụ và các phòng, ban có liên quan nghiên cứu tham mưu UBND thành phố ban hành các chương trình, chính sách để giải quyết việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất.

- Phòng Kinh tế xây dựng các giải pháp cụ thể sử dụng quỹ đất nông nghiệp đạt hiệu quả cao, bền vững, xây dựng các công trình thủy lợi, tổ chức xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và tôn tạo cảnh quan môi trường.

Giải pháp cụ thể đối với các dự án công trình đăng ký thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 mang tính khả thi:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2022, 2023 và Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh; phối hợp với các ngành có liên quan quan tâm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm như: đường Trần Văn Giàu, đường Nguyễn Thị Minh Khai, đường 3/2 đoạn Rạch Giá - Châu Thành...; tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các dự án như: Chinh trang mở rộng đường Võ Trường Toản và đường Nguyễn Bình Khiêm, cầu bắt qua kênh Rạch Giá – Hà Tiên (*cầu Giải phóng 9*), ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Rạch Giá, kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiên (*từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ấn, phường Vĩnh Bảo*)...; phối hợp với các đơn vị chức năng tiếp tục tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các thửa đất tại lô L2, L3 thuộc dự án Tuyến dân cư để biến đoạn qua thành phố Rạch Giá. Tăng cường huy động, tạo mọi điều kiện thuận lợi để kêu gọi thu hút đầu tư vào địa bàn.

- Tập trung triển khai các biện pháp khai thác nguồn thu, nhất là công tác chống thất thu thuế trong lĩnh vực xây dựng, cho thuê mặt bằng và một số ngành nghề, lĩnh vực có rủi ro cao. Chỉ đạo tăng cường quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Hoàn thành công tác lập, trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Rạch Giá định hướng đến năm 2040. Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế Quản lý Kiến trúc Quy hoạch đô thị và Sơ đồ phân bố khu vực phát triển đô thị; tập trung rà soát, triển khai thực hiện kế hoạch phủ kín quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu trên địa bàn thành phố Rạch Giá đảm bảo đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển, gắn với tăng cường công tác quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch; chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện các tiêu chí đạt đô thị loại I, Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện và quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc tổ chức lập

các Đề án phân loại đô thị, Chương trình phát triển từng đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025. Tiếp tục chỉ đạo các phường xây dựng phường văn minh đô thị.

- Tập trung chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn thành phố theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. Phối hợp với Tổ chức WWF-Việt Nam và các ngành có liên quan tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch hành động về quản lý chất thải nhựa và rác thải nhựa đến năm 2025. Kịp thời giải quyết các đơn thư khiếu nại về đất đai, phản ánh về môi trường; thực hiện tốt công tác giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai, xây dựng,...

4.4 Các giải pháp khác

4.4.1 Các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng

Nhằm giảm thiểu rủi ro trước những tác động của biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái; thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch (theo Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch Quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050). Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá đề xuất các giải pháp ứng phó như sau:

- Cập nhật, cụ thể hóa kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Lựa chọn các hạng mục, giải pháp ưu tiên phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương để lồng ghép triển khai thực hiện.

- Lồng ghép các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của huyện; rà soát cập nhật, điều chỉnh các quy hoạch ngành, địa phương đồng thời tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch.

- Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý và cộng đồng để thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn, hậu quả của các hiện tượng thời tiết cực đoan đối với phát triển kinh tế - xã hội của huyện; chủ động phòng, chống hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, sạt lở, xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với vùng ven biển.

- Đề xuất nâng cấp, mở rộng các công trình đê kè, đập, khu neo đậu tránh trú bão; nghiên cứu giải pháp hình thành hệ thống chống ngập đồng bộ, hiệu quả. Huy động các nguồn lực xây dựng các công trình chống sạt lở ven sông, ven biển. Rà soát, hỗ trợ di dời dân ra khỏi vùng có nguy cơ cao sạt lở bờ sông, bờ biển và các nguy cơ thiên tai khác. Tiếp tục đầu tư phát triển thủy lợi, nâng cao khả năng tưới tiêu nước đồng bộ hiệu quả.

- Lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường ngay từ khi lập, phê duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch. Đối với các dự án đầu tư mới yêu cầu phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường trình cấp thẩm quyền phê duyệt, triển khai thực hiện đầy đủ các thủ tục về bảo vệ môi trường (thủ tục về quản lý tài nguyên nước, chất thải nguy hại, ký quỹ bảo vệ môi trường...) thực hiện hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường trước khi vận hành chính thức.

- Xây dựng, cải tạo hệ thống tiêu thoát nước trong xóm, ấp, khu dân cư; xây dựng các điểm thu gom, xử lý rác thải; quy hoạch chỉnh trang, cải tạo nghĩa trang; cải tạo, xây dựng các ao hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng.

- Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý hoặc kiến nghị cấp thẩm quyền xử lý vi phạm đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường

- Theo dõi chặt chẽ thông tin dự báo khí tượng, thủy văn, xâm nhập mặn do các cơ quan chuyên ngành khí tượng, thủy văn và các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp; tổ chức đo đạc thường xuyên độ mặn tại các khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng xâm nhập mặn để kịp thời nắm bắt tình trạng xâm nhập mặn; hướng dẫn người dân thực hiện kế hoạch lấy, trữ nước ngọt phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Tăng cường thực hiện các giải pháp thủy lợi như nạo vét kênh rạch, đắp đập tạm, lắp đặt trạm bơm dã chiến tranh thủ vận hành công trình thủy lợi lấy nước, trữ nước để sử dụng khi xâm nhập mặn lên cao, nguồn nước ngọt bị hạn chế.

4.4.2 Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

- Bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ cho các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từng bước chuyển giao cho người dân thông qua báo đài, các mô hình thí điểm, các chương trình khuyến nông, khuyến ngư, khuyến công,...

- Xây dựng và cập nhật thường xuyên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai; Đầu tư cơ sở vật chất, từng bước ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc lập và giám sát, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tăng cường công tác điều tra cơ bản để nâng cao chất lượng công tác dự báo việc quản lý, sử dụng đất.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trình tự, nội dung các bước trong phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố tuân thủ theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Báo cáo kế hoạch sử dụng đất thành phố Rạch Giá được thành lập trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Rạch Giá được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại 1609/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022; Kết quả điều tra, đánh giá hiện trạng sử dụng đất năm 2022; Danh mục công trình dự án cần thu hồi đất của UBND thành phố Rạch Giá, cũng như những danh mục công trình, dự án thu thập được tại các ban ngành trên địa bàn thành phố. Ngoài ra, tài liệu còn kế thừa một khối lượng rất lớn danh mục công trình dự án thu hồi đất trên địa bàn thành phố đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang thông qua, Qua những kết quả của báo cáo, có thể rút ra một số kết luận sau:

- Kết quả của báo cáo đã xử lý, tổng hợp được hầu hết các công trình dự án và phương hướng phát triển của các cấp, các ngành ở cả tỉnh, thành phố và địa phương...trên cơ sở cân đối hài hoà giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai, nguồn vốn, Đảm bảo được tính thực tiễn và có tính khả thi.

- Xác lập được sự ổn định về mặt pháp lý trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Là căn cứ để tiến hành giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng theo đúng pháp luật hiện hành, giúp cho các ngành có cơ sở pháp lý đầu tư phát triển trên địa bàn thành phố.

- Các loại đất chuyên dùng khác được xem xét và tính toán cho mọi loại đất từ đất giao thông, thủy lợi đến quốc phòng an ninh,... trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm đất.

- Việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Rạch Giá góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện năm 2023.

2. Kiến nghị

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội của thành phố Rạch Giá nhất là những công trình cấp thiết được triển khai đầy đủ trong năm 2023, UBND thành phố Rạch Giá kiến nghị:

- Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Kiên Giang xem xét trình UBND tỉnh cho chủ trương thống nhất bổ sung công trình cấp thiết trong kế hoạch sử dụng

đất năm 2023 của thành phố Rạch Giá;

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang xem xét thông qua đề UBND thành phố Rạch Giá có cơ sở trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Rạch Giá. Từ đó, UBND thành phố có cơ sở thực hiện vai trò quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố cũng như có cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai;

- Đề nghị UBND tỉnh cần có các chính sách đầu tư, hỗ trợ thỏa đáng tạo điều kiện đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng để thành phố Rạch Giá phát huy tốt tiềm năng nội lực, tranh thủ nguồn đầu tư từ bên ngoài nhằm thực hiện tốt phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nói chung, sự chuyển dịch cơ cấu các loại đất nói riêng theo quan điểm sử dụng đất đầy đủ, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra và ngày càng nâng cao đời sống nhân dân.